

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2021**

| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh        | Chuyên ngành dự thi | Môn CS    | Môn CN     | Môn NN    |
|-----|------|----------|-----------------------|-----------|------------|-----------------|---------------------|-----------|------------|-----------|
| 1   | 1    | 02210871 | NGUYỄN NGỌC TUẤN ANH  | Nam       | 28/03/1989 | Tỉnh Nghệ An    | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 2   | 2    | 02210105 | PHẠM THỊ NGỌC ANH     | Nữ        | 06/11/1987 | TP Hà Nội       | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 3   | 3    | 02210407 | VŨ THỊ VÂN ANH        | Nữ        | 02/05/1992 | Tỉnh Thanh Hóa  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 4   | 4    | 02210250 | NGUYỄN THỊ THANH BÌNH | Nữ        | 21/11/1988 | Tỉnh Hà Nam     | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 5   | 5    | 02210350 | ĐỖ TIẾN CẨM           | Nam       | 21/02/1990 | Tỉnh Thái Bình  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 6   | 6    | 02210230 | NGUYỄN THỊ CHINH      | Nữ        | 08/05/1981 | Tỉnh Hải Dương  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 7   | 7    | 02210150 | NGUYỄN VĂN CÔNG       | Nam       | 30/06/1991 | Tỉnh Ninh Bình  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 8   | 8    | 02210157 | NGÔ ĐỨC CƯỜNG         | Nam       | 16/04/1984 | Tỉnh Thái Bình  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 9   | 9    | 02210429 | LẠI VĂN DŨNG          | Nam       | 05/09/1993 | Tỉnh Thanh Hóa  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 10  | 10   | 02210336 | LÊ VĂN DŨNG           | Nam       | 09/02/1993 | Tỉnh Hưng Yên   | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 11  | 11   | 02210780 | LÊ THÁI BÌNH DƯƠNG    | Nam       | 22/08/1989 | Tỉnh Hà Tĩnh    | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 12  | 12   | 02210035 | NGUYỄN THỊ DUYÊN      | Nữ        | 22/12/1991 | Tỉnh Hải Dương  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 13  | 13   | 02210221 | NGUYỄN THỊ THU HÀ     | Nữ        | 22/12/1991 | Tỉnh Hưng Yên   | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 14  | 14   | 02210746 | ĐÀO XUÂN HẢI          | Nam       | 31/12/1989 | Tỉnh Phú Thọ    | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 15  | 15   | 02210008 | NGUYỄN MINH HẢI       | Nam       | 24/09/1990 | TP Hà Nội       | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 16  | 16   | 02210613 | VŨ THÚY HẰNG          | Nữ        | 28/05/1986 | Tỉnh Vĩnh Phúc  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 17  | 17   | 02210691 | NGUYỄN ĐỨC HIẾU       | Nam       | 10/09/1992 | TP Hà Nội       | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 18  | 18   | 02210057 | LÊ THỊ HÒA            | Nữ        | 28/11/1989 | Tỉnh Thái Bình  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 19  | 20   | 02210026 | NGUYỄN THỊ HUYỀN      | Nữ        | 07/07/1990 | TP Hà Nội       | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 20  | 21   | 02210011 | ĐỖ THỊ HỒNG LIÊN      | Nữ        | 08/12/1992 | TP Hà Nội       | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 21  | 22   | 02210176 | LÊ THỊ LOAN           | Nữ        | 09/10/1988 | Tỉnh Thanh Hóa  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 22  | 24   | 02210592 | TRẦN TIẾN MẠNH        | Nam       | 01/10/1986 | TP Hà Nội       | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 23  | 25   | 02210126 | NGUYỄN THỊ MINH       | Nữ        | 04/11/1991 | Tỉnh Bắc Giang  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 24  | 26   | 02210077 | ĐOÀN SƠN NAM          | Nam       | 28/01/1988 | Tỉnh Nam Định   | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 25  | 27   | 02210300 | VƯƠNG ĐỨC NAM         | Nam       | 31/10/1992 | Tỉnh Quảng Ninh | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 26  | 28   | 02210441 | PHẠM HỒNG NHUNG       | Nữ        | 15/01/1990 | Tỉnh Thái Bình  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 27  | 29   | 02210486 | HOÀNG ĐỨC PHƯƠNG      | Nam       | 20/04/1983 | Tỉnh Bắc Giang  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 28  | 30   | 02210104 | NGUYỄN NHẬT QUANG     | Nam       | 17/04/1993 | Tỉnh Nghệ An    | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 29  | 31   | 02210328 | KHÔNG MINH QUÝ        | Nam       | 26/09/1994 | TP Hải Phòng    | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 30  | 32   | 02210048 | VŨ MINH QUÝ           | Nam       | 19/12/1993 | Tỉnh Hải Dương  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi | Môn CS    | Môn CN     | Môn NN     |
|-----|------|----------|-----------------------|-----------|------------|------------------|---------------------|-----------|------------|------------|
| 31  | 33   | 02210013 | HOÀNG THỊ QUYÊN       | Nữ        | 10/07/1990 | Tỉnh Nam Định    | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 32  | 34   | 02210366 | ĐỖ VĂN QUYẾT          | Nam       | 09/11/1981 | TP Hà Nội        | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 33  | 35   | 02210108 | TRẦN ĐỨC TÂM          | Nam       | 24/06/1990 | Tỉnh Tuyên Quang | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 34  | 36   | 02210660 | NGÔ THỊ MINH THẨM     | Nữ        | 21/10/1992 | Tỉnh Hà Giang    | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 35  | 38   | 02210749 | LƯU PHƯƠNG THANH      | Nữ        | 30/04/1992 | Tỉnh Phú Thọ     | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 36  | 39   | 02210544 | TRẦN THỊ THANH THANH  | Nữ        | 17/11/1991 | Tỉnh Hưng Yên    | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 37  | 40   | 02210648 | ĐỖ PHƯƠNG THẢO        | Nữ        | 06/12/1989 | TP Hà Nội        | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 38  | 41   | 02210195 | QUÁCH LƯƠNG THIỆN     | Nam       | 09/12/1992 | Tỉnh Lạng Sơn    | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 39  | 42   | 02210582 | NGUYỄN VĂN THIẾU      | Nam       | 25/05/1992 |                  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 40  | 43   | 02210305 | LA THỊ THƯƠNG         | Nữ        | 05/06/1991 | Tỉnh Nghệ An     | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 41  | 44   | 02210034 | NGUYỄN THỊ THƯƠNG     | Nữ        | 13/02/1993 | TP Hải Phòng     | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 42  | 45   | 02210316 | ĐÀO THỊ THƯỜNG        | Nữ        | 25/04/1990 | Tỉnh Nghệ An     | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 43  | 46   | 02210039 | PHẠM KIỀU HUYỀN TRANG | Nữ        | 20/12/1994 | TP Hà Nội        | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 44  | 47   | 02210353 | TRẦN THỊ TRANG        | Nữ        | 01/02/1995 | Tỉnh Hà Nam      | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 45  | 48   | 02210257 | ĐẶNG XUÂN TRƯỜNG      | Nam       | 20/07/1993 | Tỉnh Thái Nguyên | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 46  | 49   | 02210116 | NGUYỄN NGỌC TÚ        | Nam       | 24/09/1990 | Tỉnh Quảng Ninh  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 47  | 50   | 02210028 | LÊ VĂN TUẤN           | Nam       | 05/12/1990 | Tỉnh Thanh Hóa   | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 48  | 51   | 02210183 | TRỊNH ANH TUẤN        | Nam       | 03/10/1993 | Tỉnh Thanh Hóa   | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Pháp |
| 49  | 52   | 02210295 | VŨ ĐÌNH TÙNG          | Nam       | 03/12/1989 | Tỉnh Nam Định    | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 50  | 53   | 02210283 | ĐINH THỊ VÂN          | Nữ        | 10/12/1991 | Tỉnh Nghệ An     | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 51  | 54   | 02210487 | THIỆU THỊ THANH VÂN   | Nữ        | 31/08/1991 | Tỉnh Hưng Yên    | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 52  | 55   | 02210624 | NGUYỄN ĐỨC VIỆT       | Nam       | 10/10/1993 |                  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 53  | 56   | 02210848 | LƯU ĐỨC VƯỢNG         | Nam       | 26/02/1992 | Tỉnh Lào Cai     | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 54  |      | 04211554 | LA KỶ NHÂN            | Nam       | 13/02/1990 |                  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 55  |      | 04210071 | NGUYỄN QUỐC VŨ        | Nam       | 10/08/1989 |                  | Chẩn đoán hình ảnh  | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 56  | 1    | 02210507 | CAO THỊ HƯƠNG GIANG   | Nữ        | 19/01/1994 | Tỉnh Phú Thọ     | Da liễu             | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi   |
| 57  | 2    | 02210121 | NGUYỄN THU HẰNG       | Nữ        | 21/09/1994 | Tỉnh Hải Dương   | Da liễu             | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh  |
| 58  | 3    | 02210022 | PHẠM THỊ HẰNG         | Nữ        | 24/08/1994 | Tỉnh Thái Bình   | Da liễu             | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh  |
| 59  | 4    | 02210337 | PHAN NỮ THỰC HIỆN     | Nữ        | 20/12/1993 | Tỉnh Nghệ An     | Da liễu             | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh  |
| 60  | 5    | 02210255 | DƯƠNG PHÚC HIỂU       | Nam       | 25/01/1995 | Tỉnh Hà Tĩnh     | Da liễu             | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi   |
| 61  | 6    | 02210851 | PHẠM DIỆU HOA         | Nữ        | 25/11/1993 | Tỉnh Thái Bình   | Da liễu             | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi   |
| 62  | 7    | 02210314 | TRỊNH THU HUYỀN       | Nữ        | 04/10/1991 | Tỉnh Thanh Hóa   | Da liễu             | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh  |
| 63  | 8    | 02210197 | TRẦN HẬU THẠCH LÂM    | Nam       | 16/02/1991 | TP Hà Nội        | Da liễu             | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh  |
| 64  | 9    | 02210251 | HOÀNG HỒNG MẠNH       | Nam       | 16/03/1994 | Tỉnh Phú Thọ     | Da liễu             | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh  |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi | Môn CS  | Môn CN      | Môn NN     |
|-----|------|----------|-----------------------|-----------|------------|------------------|---------------------|---------|-------------|------------|
| 65  | 10   | 02210068 | VŨ THỊ MÙI            | Nữ        | 30/06/1991 | Tỉnh Hải Dương   | Da liễu             | Sinh lý | Nội khoa    | Tiếng Anh  |
| 66  | 11   | 02210236 | TẠ HUYỀN MY           | Nữ        | 14/02/1995 | Tỉnh Phú Thọ     | Da liễu             | Sinh lý | Nội khoa    | Miễn thi   |
| 67  | 12   | 02210804 | NGUYỄN TRỌNG NGHĨA    | Nam       | 27/02/1995 | TP Hà Nội        | Da liễu             | Sinh lý | Nội khoa    | Tiếng Anh  |
| 68  | 13   | 02210819 | LUU THỊ PHƯƠNG        | Nữ        | 10/10/1994 | Tỉnh Thái Bình   | Da liễu             | Sinh lý | Nội khoa    | Tiếng Anh  |
| 69  | 14   | 02210499 | NGUYỄN THỊ DIỆU THUY  | Nữ        | 16/02/1989 | TP Hà Nội        | Da liễu             | Sinh lý | Nội khoa    | Tiếng Anh  |
| 70  | 15   | 02210827 | LÊ THỊ THÚY           | Nữ        | 31/12/1990 | Tỉnh Thanh Hóa   | Da liễu             | Sinh lý | Nội khoa    | Tiếng Anh  |
| 71  | 16   | 02210574 | ĐÌNH THỊ HUYỀN TRANG  | Nữ        | 05/12/1991 |                  | Da liễu             | Sinh lý | Nội khoa    | Tiếng Anh  |
| 72  | 17   | 02210787 | NGUYỄN THU TRANG      | Nữ        | 10/04/1995 | Tỉnh Nam Định    | Da liễu             | Sinh lý | Nội khoa    | Tiếng Anh  |
| 73  | 18   | 02210501 | TRẦN LÊ LINH TRANG    | Nữ        | 25/02/1994 | Tỉnh Lào Cai     | Da liễu             | Sinh lý | Nội khoa    | Tiếng Anh  |
| 74  | 19   | 02210401 | VŨ THU TRANG          | Nữ        | 08/07/1984 | TP Hà Nội        | Da liễu             | Sinh lý | Nội khoa    | Tiếng Anh  |
| 75  | 1    | 02210308 | HOÀNG DANH TÂN        | Nam       | 10/10/1991 | Tỉnh Nghệ An     | Dị ứng - Miễn dịch  | Sinh lý | Nội khoa    | Tiếng Anh  |
| 76  | 6    | 02210869 | NGUYỄN CÔNG HUY       | Nam       | 26/08/1989 | TP Hà Nội        | Dịch tễ học         | Vi sinh | Dịch tễ học | Tiếng Anh  |
| 77  | 8    | 02210896 | NGUYỄN CÔNG MINH      | Nam       | 29/06/1993 | Tỉnh Thái Nguyên | Dịch tễ học         | Vi sinh | Dịch tễ học | Tiếng Anh  |
| 78  | 11   | 02210232 | ĐÌNH THỊ TOÀN         | Nữ        | 14/10/1991 | Tỉnh Hà Tĩnh     | Dịch tễ học         | Vi sinh | Dịch tễ học | Tiếng Anh  |
| 79  | 13   | 02210271 | TRẦN QUANG TRÍ        | Nam       | 02/08/1993 | Tỉnh Nam Định    | Dịch tễ học         | Vi sinh | Dịch tễ học | Miễn thi   |
| 80  | 2    | 02210844 | TRIỆU NGỌC ANH        | Nữ        | 09/09/1985 | Tỉnh Phú Thọ     | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Miễn thi   |
| 81  | 3    | 02210560 | NGUYỄN THỊ CHINH      | Nữ        | 26/01/1982 | TP Hà Nội        | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh  |
| 82  | 4    | 02210289 | NGUYỄN VĂN ĐAN        | Nam       | 30/08/1988 | Tỉnh Thái Nguyên | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Miễn thi   |
| 83  | 5    | 02210629 | PHAN ĐÌNH ĐỆ          | Nam       | 27/09/1995 | TP Hà Nội        | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh  |
| 84  | 6    | 02210259 | TRỊNH THỊ GIANG       | Nữ        | 16/01/1988 | Tỉnh Thanh Hóa   | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh  |
| 85  | 7    | 02210213 | NGUYỄN THU HÀ         | Nữ        | 16/10/1988 | TP Hà Nội        | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh  |
| 86  | 9    | 02210264 | PHẠM THU HÀ           | Nữ        | 14/12/1992 | TP Hà Nội        | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh  |
| 87  | 10   | 02210733 | LÊ THỊ THANH HẢI      | Nữ        | 25/12/1989 | TP Hà Nội        | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh  |
| 88  | 12   | 02210923 | LÊ THỊ HẰNG           | Nữ        | 23/10/1987 | Tỉnh Phú Thọ     | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh  |
| 89  | 13   | 02210266 | ĐỖ THỊ HIỀN           | Nữ        | 01/02/1985 | Tỉnh Hưng Yên    | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh  |
| 90  | 14   | 02210365 | NGUYỄN THỊ THANH HIỀN | Nữ        | 18/01/1994 | Tỉnh Hưng Yên    | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh  |
| 91  | 15   | 02210665 | BÙI MINH HIẾU         | Nữ        | 02/06/1991 | Tỉnh Hưng Yên    | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Miễn thi   |
| 92  | 16   | 02210866 | NGUYỄN THANH HIẾU     | Nam       | 14/11/1979 | TP Hà Nội        | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Miễn thi   |
| 93  | 17   | 02210890 | TRƯƠNG THỊ HOA        | Nữ        | 20/03/1985 | TP Hà Nội        | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh  |
| 94  | 18   | 02210755 | TRẦN THỊ HÒA          | Nữ        | 01/01/1988 | Tỉnh Hưng Yên    | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh  |
| 95  | 20   | 02210227 | PHẠM QUANG HOAN       | Nam       | 01/10/1982 | Tỉnh Hải Dương   | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Pháp |
| 96  | 21   | 02210786 | LÂM THANH HOÀNG       | Nam       | 12/01/1994 | Tỉnh Nam Định    | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh  |
| 97  | 22   | 02210233 | ĐÀO THỊ HUỆ           | Nữ        | 20/10/1988 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh  |
| 98  | 23   | 02210256 | NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG  | Nữ        | 03/02/1993 | Tỉnh Hải Dương   | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH       | Miễn thi   |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh        | Chuyên ngành dự thi | Môn CS  | Môn CN     | Môn NN    |
|-----|------|----------|-----------------------|-----------|------------|-----------------|---------------------|---------|------------|-----------|
| 99  | 24   | 02210325 | TRẦN MAI HUYỀN        | Nữ        | 20/12/1990 | Tỉnh Thanh Hóa  | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 100 | 25   | 02210695 | TRẦN THỊ KHUÊ         | Nữ        | 21/11/1981 |                 | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Miễn thi  |
| 101 | 26   | 02210797 | BÙI THỊ MAI LAN       | Nữ        | 30/06/1989 | TP Hà Nội       | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 102 | 27   | 02210260 | ĐỖ THỊ LIÊN           | Nữ        | 02/07/1994 | Tỉnh Hải Dương  | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 103 | 28   | 02210406 | LƯƠNG THỊ LIÊN        | Nữ        | 19/10/1986 | Tỉnh Hưng Yên   | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 104 | 30   | 02210756 | NGUYỄN THÀNH LUÂN     | Nam       | 27/03/1987 | Tỉnh Nghệ An    | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 105 | 31   | 02210386 | VŨ THỊ KIỀU LY        | Nữ        | 22/09/1990 | TP Hà Nội       | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 106 | 32   | 02210282 | NGUYỄN DUY MÃN        | Nam       | 14/11/1988 | TP Hà Nội       | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 107 | 33   | 02210521 | VŨ THỊ MINH           | Nữ        | 24/01/1983 | TP Hà Nội       | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 108 | 35   | 02210865 | TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ    | Nữ        | 01/01/1994 | Tỉnh Thanh Hóa  | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 109 | 36   | 02210650 | ĐÀO THỊ NGÂN          | Nữ        | 13/03/1982 | TP Hà Nội       | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 110 | 37   | 02210180 | QUẢN THỊ NGÁT         | Nữ        | 09/01/1986 | Tỉnh Hưng Yên   | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 111 | 39   | 02210551 | NGUYỄN THỊ NGUYỄN     | Nữ        | 24/06/1983 | Tỉnh Thái Bình  | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Miễn thi  |
| 112 | 40   | 02210023 | BÙI MINH NGUYỆT       | Nữ        | 18/10/1997 | Tỉnh Yên Bái    | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 113 | 41   | 02210450 | NGÔ THỊ ĐIỆP PHƯƠNG   | Nữ        | 06/12/1981 | TP Hà Nội       | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 114 | 42   | 02210253 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG     | Nữ        | 16/01/1991 |                 | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 115 | 43   | 02210572 | NGUYỄN YẾN THANH      | Nữ        | 11/10/1992 | TP Hà Nội       | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 116 | 45   | 02210164 | TRẦN HOÀI THU         | Nữ        | 17/10/1990 | Tỉnh Thái Bình  | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 117 | 46   | 02210488 | TRỊNH THỊ THU         | Nữ        | 03/01/1986 | Tỉnh Thanh Hóa  | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 118 | 47   | 02210603 | ĐÀO THU THỦY          | Nữ        | 06/07/1980 | TP Hà Nội       | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 119 | 48   | 02210918 | NGUYỄN THỊ THÚY       | Nữ        | 10/11/1983 | TP Hà Nội       | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Miễn thi  |
| 120 | 49   | 02210750 | PHÍ THỊ THU THỦY      | Nữ        | 14/04/1991 | TP Hà Nội       | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 121 | 50   | 02210160 | TẠ THỊ KIM TIẾN       | Nữ        | 02/08/1993 | TP Hà Nội       | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 122 | 51   | 02210723 | BÙI THỊ THÚY TRANG    | Nữ        | 20/10/1990 | Tỉnh Hưng Yên   | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 123 | 52   | 02210327 | ĐỖ LINH TRANG         | Nữ        | 28/12/1994 | TP Hà Nội       | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 124 | 54   | 02210463 | CHU VĂN TUYẾN         | Nam       | 08/09/1984 | Tỉnh Thanh Hóa  | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Miễn thi  |
| 125 | 55   | 02210524 | TRỊNH THỊ THANH TUYẾN | Nữ        | 03/11/1985 | Tỉnh Thái Bình  | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 126 | 57   | 02210443 | NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT  | Nữ        | 15/07/1988 | Tỉnh Vĩnh Phúc  | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Miễn thi  |
| 127 | 58   | 02210772 | ĐỖ THỊ THÙY VÂN       | Nữ        | 30/05/1987 | TP Hà Nội       | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 128 | 59   | 02210818 | ĐÀO QUANG VINH        | Nam       | 18/11/1985 | Tỉnh Hưng Yên   | Điều dưỡng          | Sinh lý | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 129 | 1    | 02210311 | ĐINH NGỌC ANH         | Nữ        | 04/11/1993 | Tỉnh Quảng Ninh | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 130 | 2    | 02210003 | ĐOÀN PHẠM NGỌC ANH    | Nữ        | 29/03/1997 | Tỉnh Ninh Bình  | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 131 | 3    | 02210690 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH | Nữ        | 26/06/1997 | TP Hà Nội       | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 132 | 4    | 02210342 | PHAN QUỐC ANH         | Nam       | 07/08/1993 | TP Hà Nội       | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Miễn thi  |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh            | Chuyên ngành dự thi | Môn CS  | Môn CN     | Môn NN    |
|-----|------|----------|----------------------|-----------|------------|---------------------|---------------------|---------|------------|-----------|
| 133 | 5    | 02210553 | TRƯƠNG XUÂN BÍCH     | Nữ        | 17/03/1995 | TP Hồ Chí Minh      | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Miễn thi  |
| 134 | 6    | 02210049 | DƯƠNG THUY CHÌ       | Nữ        | 27/10/1991 | Tỉnh Quảng Bình     | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 135 | 7    | 02210047 | NGUYỄN THỊ THU CÚC   | Nữ        | 17/04/1995 | Tỉnh Thừa thiên-Huế | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 136 | 8    | 02210545 | NGUYỄN HUY ĐỨC       | Nam       | 12/08/1996 | TP Hà Nội           | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 137 | 9    | 02210241 | PHẠM VĂN DŨNG        | Nam       | 12/03/1992 | TP Hà Nội           | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Miễn thi  |
| 138 | 10   | 02210014 | NGUYỄN HƯƠNG GIANG   | Nữ        | 06/12/1993 | TP Hà Nội           | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 139 | 11   | 02210376 | TRẦN LÊ HỒNG GIANG   | Nữ        | 20/02/1992 | Tỉnh Thừa thiên-Huế | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 140 | 12   | 02210790 | TRẦN THỊ HẠNH        | Nữ        | 02/02/1997 | Tỉnh Nghệ An        | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 141 | 13   | 02210843 | PHÙNG THỊ HẬU        | Nữ        | 22/11/1997 | TP Hà Nội           | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 142 | 14   | 02210709 | NGUYỄN THỊ HIỀN      | Nữ        | 22/02/1995 | Tỉnh Hà Tĩnh        | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 143 | 15   | 02210446 | ĐOÀN THỊ HUỖNG       | Nữ        | 27/09/1993 | Tỉnh Thái Bình      | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 144 | 16   | 02210607 | ĐỖ KHÁNH HUYỀN       | Nữ        | 15/01/1997 | Tỉnh Nam Định       | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 145 | 17   | 02210573 | ĐINH THỊ LINH        | Nữ        | 23/08/1987 | Tỉnh Thanh Hóa      | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 146 | 18   | 02210054 | NGUYỄN THỊ MỸ LINH   | Nữ        | 12/05/1999 | TP Hà Nội           | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 147 | 19   | 02210742 | NGUYỄN QUỲNH MAI     | Nữ        | 11/12/1999 | Tỉnh Ninh Bình      | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Miễn thi  |
| 148 | 20   | 02210645 | NGUYỄN THỊ THANH MAI | Nữ        | 27/02/1998 | Tỉnh Sơn La         | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 149 | 21   | 02210025 | NGUYỄN THỊ MƠ        | Nữ        | 10/07/1992 | Tỉnh Nam Định       | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 150 | 23   | 02210139 | HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG | Nữ        | 12/09/1991 | Tỉnh Thanh Hóa      | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 151 | 24   | 02210744 | NGUYỄN THỊ NHUNG     | Nữ        | 13/10/1989 | Tỉnh Thái Nguyên    | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 152 | 25   | 02210087 | NGUYỄN TRANG NHUNG   | Nữ        | 25/06/1995 | Tỉnh Phú Thọ        | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Miễn thi  |
| 153 | 26   | 02210647 | TRẦN MỸ NHUNG        | Nữ        | 30/09/1994 | TP Hồ Chí Minh      | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 154 | 27   | 02210341 | VI MINH PHƯƠNG       | Nữ        | 24/09/1994 | TP Hà Nội           | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 155 | 28   | 02210033 | BÙI THỊ NHỊ SEN      | Nữ        | 30/08/1983 | Tỉnh Quảng Bình     | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 156 | 29   | 02210566 | PHAN THỊ SEN         | Nữ        | 05/06/1990 |                     | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 157 | 30   | 02210702 | LŨ LƯƠNG TÂM         | Nữ        | 20/11/1988 | Tỉnh Hà Nam         | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Miễn thi  |
| 158 | 31   | 02210813 | VÕ VĂN TÂM           | Nam       | 05/03/1993 | Tỉnh Phú Yên        | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 159 | 32   | 02210533 | NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM | Nữ        | 02/03/1996 | Tỉnh Nam Định       | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 160 | 33   | 02210245 | PHẠM THỊ THẨM        | Nữ        | 08/08/1997 | Tỉnh Phú Thọ        | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 161 | 34   | 02210519 | NGUYỄN THỊ THẢO      | Nữ        | 24/07/1996 | TP Hà Nội           | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 162 | 35   | 02210254 | VŨ THỊ THOA          | Nữ        | 03/02/1996 | Tỉnh Nam Định       | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 163 | 36   | 02210900 | NGUYỄN DIỆU THOAN    | Nữ        | 03/12/1995 | TP Hà Nội           | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 164 | 37   | 02210479 | NGUYỄN THỊ HÀ THU    | Nữ        | 06/09/1995 | Tỉnh Sơn La         | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Miễn thi  |
| 165 | 39   | 02210490 | PHẠM MINH THÚY       | Nữ        | 29/08/1982 | Tỉnh Hải Dương      | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 166 | 40   | 02210716 | TRẦN MINH THÚY       | Nữ        | 13/04/1996 | TP Hà Nội           | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi | Môn CS  | Môn CN     | Môn NN    |
|-----|------|----------|----------------------|-----------|------------|------------------|---------------------|---------|------------|-----------|
| 167 | 41   | 02210083 | HỒ THU THỦY          | Nữ        | 15/10/1983 | TP Hà Nội        | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Miễn thi  |
| 168 | 43   | 02210493 | NGUYỄN MINH TRANG    | Nữ        | 05/01/1996 | Tỉnh Bắc Giang   | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 169 | 44   | 02210437 | HÀ THI TUYẾN         | Nữ        | 23/11/1981 | Tỉnh Thanh Hóa   | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 170 | 45   | 02210101 | NGUYỄN THỊ TUYẾT     | Nữ        | 16/11/1990 | Tỉnh Bắc Ninh    | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 171 | 46   | 02210053 | BÙI THỊ THẢO YẾN     | Nữ        | 24/07/1992 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 172 | 47   | 02210156 | ĐƯƠNG THỊ YẾN        | Nữ        | 02/01/1995 | Tỉnh Hưng Yên    | Dinh dưỡng          | Sinh lý | Dinh dưỡng | Tiếng Anh |
| 173 | 1    | 02210639 | LƯU HOÀNG ANH        | Nam       | 04/01/1992 | TP Hải Phòng     | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 174 | 3    | 02210158 | NGUYỄN XUÂN ĐIỆP     | Nam       | 30/03/1991 | Tỉnh Thái Bình   | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 175 | 4    | 02210370 | VƯƠNG QUỐC ĐỨC       | Nam       | 24/01/1992 | TP Hà Nội        | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 176 | 5    | 02210474 | NGUYỄN THỊ GIANG     | Nữ        | 18/11/1992 | Tỉnh Bắc Ninh    | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 177 | 6    | 02210532 | BÙI THỊ NGỌC HÂN     | Nữ        | 29/11/1993 | Tỉnh Thái Nguyên | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 178 | 7    | 02210335 | NGUYỄN THỊ HẰNG      | Nữ        | 19/09/1989 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 179 | 8    | 02210302 | NGUYỄN MINH HIẾU     | Nam       | 16/09/1991 | Tỉnh Nam Định    | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 180 | 9    | 02210124 | CHU KHÁNH HOÀ        | Nữ        | 01/10/1991 | Tỉnh Hưng Yên    | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 181 | 10   | 02210580 | NGUYỄN ĐỨC HOÀNG     | Nam       | 16/09/1992 | Tỉnh Bắc Giang   | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 182 | 11   | 02210763 | PHẠM THỊ LANH        | Nữ        | 16/03/1992 | Tỉnh Bắc Giang   | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 183 | 12   | 02210571 | BÙI CHÍ LINH         | Nam       | 09/06/1992 | Tỉnh Thanh Hóa   | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 184 | 13   | 02210384 | NGÔ THỊ HẠNH LINH    | Nữ        | 14/11/1993 | Tỉnh Ninh Bình   | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 185 | 14   | 02210408 | NGUYỄN THỊ DIỆU LINH | Nữ        | 16/12/1992 | Tỉnh Hưng Yên    | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 186 | 15   | 02210529 | NGUYỄN TUẤN LINH     | Nam       | 31/07/1992 | Tỉnh Thái Bình   | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 187 | 16   | 02210267 | VŨ THANH MAI         | Nữ        | 06/06/1987 | TP Hà Nội        | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 188 | 17   | 02210201 | TẠ ĐÌNH MINH         | Nam       | 10/07/1990 | Tỉnh Nghệ An     | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 189 | 18   | 02210362 | HOÀNG THỊ NGÂN       | Nữ        | 22/01/1993 | Tỉnh Bắc Giang   | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 190 | 19   | 02210611 | NGUYỄN THỊ KIỀU NGÂN | Nữ        | 02/10/1993 | TP Hà Nội        | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 191 | 20   | 02210194 | LƯƠNG THỊ NGỌC       | Nữ        | 11/01/1991 | Tỉnh Hải Dương   | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 192 | 22   | 02210293 | TỔNG THỊ HỒNG NHUNG  | Nữ        | 26/12/1991 | Tỉnh Thái Nguyên | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 193 | 23   | 02210466 | TỔNG ĐỨC PHÚC        | Nam       | 07/02/1990 | Tỉnh Nam Định    | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 194 | 24   | 02210578 | PHẠM VĂN TÂN         | Nam       | 03/07/1991 | Tỉnh Thanh Hóa   | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 195 | 25   | 02210619 | TRẦN NGỌC MẠNH TÚ    | Nam       | 30/11/1993 | TP Hà Nội        | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 196 | 26   | 02210462 | ĐOÀN QUANG TUỆ       | Nam       | 25/12/1990 | Tỉnh Thái Bình   | Gây mê hồi sức      | Sinh lý | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 197 | 1    | 02210805 | LÊ TUẤN ANH          | Nam       | 27/07/1986 | TP Hà Nội        | Giải phẫu bệnh      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 198 | 4    | 02210060 | PHẠM HOÀNG QUYÊN     | Nữ        | 17/10/1995 | Tỉnh Hải Dương   | Giải phẫu bệnh      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 199 | 5    | 02210229 | ĐINH HỮU TÂM         | Nam       | 15/02/1992 | Tỉnh Nghệ An     | Giải phẫu bệnh      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 200 | 6    | 02210140 | NGUYỄN TIẾN THÀNH    | Nam       | 06/12/1989 | TP Hà Nội        | Giải phẫu bệnh      | Sinh lý | Nội khoa   | Tiếng Anh |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi | Môn CS  | Môn CN   | Môn NN    |
|-----|------|----------|----------------------|-----------|------------|------------------|---------------------|---------|----------|-----------|
| 201 | 7    | 02210721 | NGUYỄN THỊ MINH THỨC | Nữ        | 30/05/1985 | TP Hà Nội        | Giải phẫu bệnh      | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 202 | 8    | 02210655 | MAI THỊ THỦY         | Nữ        | 03/03/1994 | Tỉnh Thanh Hóa   | Giải phẫu bệnh      | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 203 | 1    | 02210932 | VŨ HỒNG VINH         | Nam       | 05/08/1980 | Tỉnh Ninh Bình   | Giải phẫu người     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 204 | 1    | 02210111 | BÙI THỊ LAN ANH      | Nữ        | 11/10/1994 | Tỉnh Thái Bình   | Hóa sinh Y học      | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 205 | 2    | 02210451 | NGUYỄN THỊ HỒNG ANH  | Nữ        | 11/02/1994 | Tỉnh Thái Nguyên | Hóa sinh Y học      | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 206 | 3    | 02210276 | TRẦN VĂN BẮC         | Nam       | 04/11/1992 | Tỉnh Nam Định    | Hóa sinh Y học      | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 207 | 5    | 02210173 | ĐÀM THANH HƯƠNG      | Nữ        | 07/12/1993 | TP Hà Nội        | Hóa sinh Y học      | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 208 | 6    | 02210258 | ĐẶNG THỊ LINH        | Nữ        | 24/08/1990 | Tỉnh Sơn La      | Hóa sinh Y học      | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 209 | 7    | 02210555 | TRỊNH HOÀI LINH      | Nữ        | 19/05/1988 | TP Hà Nội        | Hóa sinh Y học      | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 210 | 8    | 02210581 | BÙI BÍCH NGÀ         | Nữ        | 15/09/1995 | Tỉnh Hải Dương   | Hóa sinh Y học      | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 211 | 9    | 02210281 | TRẦN THỊ BÍCH PHƯƠNG | Nữ        | 25/12/1992 | Tỉnh Bắc Giang   | Hóa sinh Y học      | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 212 | 10   | 02210465 | NGUYỄN THỊ TÂN       | Nữ        | 16/12/1993 | Tỉnh Hải Dương   | Hóa sinh Y học      | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 213 | 13   | 02210697 | NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ   | Nữ        | 17/07/1989 | Tỉnh Sơn La      | Hóa sinh Y học      | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 214 | 1    | 02210397 | ĐỖ TUẤN ANH          | Nam       | 23/09/1992 | Tỉnh Phú Thọ     | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 215 | 2    | 02210928 | NGUYỄN TUẤN ANH      | Nam       | 22/05/1994 | Tỉnh Nam Định    | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 216 | 3    | 02210927 | NGUYỄN ĐẠT BÁCH      | Nam       | 17/04/1990 | TP Hà Nội        | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 217 | 4    | 02210174 | PHẠM THỊ BIÊN        | Nữ        | 10/08/1989 | TP Hà Nội        | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 218 | 5    | 02210247 | NGÔ CHÍ CÔNG         | Nam       | 02/11/1990 | Tỉnh Bắc Ninh    | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 219 | 6    | 02210838 | KHƯƠNG QUỐC ĐẠI      | Nam       | 24/11/1989 | Tỉnh Nam Định    | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 220 | 7    | 02210434 | TRẦN HỮU ĐẠT         | Nam       | 29/01/1991 | Tỉnh Nam Định    | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 221 | 8    | 02210929 | MAI TRUNG ĐỨC        | Nam       | 26/12/1993 | Tỉnh Thanh Hóa   | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 222 | 9    | 02210469 | TRẦN ANH ĐỨC         | Nam       | 15/10/1988 | Tỉnh Lào Cai     | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 223 | 10   | 02210442 | LÊ TIẾN DŨNG         | Nam       | 22/02/1990 | Tỉnh Nam Định    | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 224 | 11   | 02210808 | NGUYỄN ANH DŨNG      | Nam       | 16/01/1980 | TP Hải Phòng     | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 225 | 13   | 02210634 | LÊ THANH HÀ          | Nam       | 10/08/1988 |                  | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 226 | 14   | 02210577 | NGUYỄN HOÀNG HẢI     | Nam       | 09/06/1993 | Tỉnh Sơn La      | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 227 | 15   | 02210677 | NGÔ XUÂN HIỆU        | Nam       | 26/09/1992 | Tỉnh Hải Dương   | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 228 | 16   | 02210670 | NGUYỄN THỊ HOA       | Nữ        | 13/01/1992 | Tỉnh Phú Thọ     | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 229 | 17   | 02210570 | MẠC DUY HUNG         | Nam       | 16/12/1991 | Tỉnh Hải Dương   | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 230 | 18   | 02210481 | NGUYỄN HỮU KIÊN      | Nam       | 13/10/1991 | Tỉnh Bắc Ninh    | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 231 | 19   | 02210686 | NGUYỄN VĂN MẠNH      | Nam       | 10/10/1991 |                  | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 232 | 20   | 02210179 | TÔ HIỂN MINH         | Nam       | 10/07/1994 | Tỉnh Tuyên Quang | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 233 | 21   | 02210776 | NGUYỄN HOÀNG NAM     | Nam       | 21/09/1993 | TP Hà Nội        | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 234 | 22   | 02210405 | LÊ THỊ HẠNH NGUYỄN   | Nữ        | 16/01/1992 | Tỉnh Bắc Ninh    | Hồi sức cấp cứu     | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi       | Môn CS  | Môn CN   | Môn NN    |
|-----|------|----------|------------------------|-----------|------------|------------------|---------------------------|---------|----------|-----------|
| 235 | 23   | 02210312 | PHẠM THẾ NHÂN          | Nam       | 16/12/1991 | Tỉnh Nghệ An     | Hồi sức cấp cứu           | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 236 | 24   | 02210243 | DƯƠNG VĂN NINH         | Nam       | 25/02/1990 | Tỉnh Lai Châu    | Hồi sức cấp cứu           | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 237 | 25   | 02210795 | ĐẬU GIANG SƠN          | Nam       | 24/06/1993 | Tỉnh Hà Tĩnh     | Hồi sức cấp cứu           | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 238 | 26   | 02210720 | VŨ THIÊN TÀI           | Nam       | 03/01/1989 | Tỉnh Hà Giang    | Hồi sức cấp cứu           | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 239 | 27   | 02210396 | ĐOÀN DUY THÀNH         | Nam       | 06/09/1988 | Tỉnh Bắc Ninh    | Hồi sức cấp cứu           | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 240 | 28   | 02210758 | NGUYỄN TIẾN THÀNH      | Nam       | 02/07/1989 | Tỉnh Gia Lai     | Hồi sức cấp cứu           | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 241 | 29   | 02210278 | BÙI MẠNH TIẾN          | Nam       | 18/09/1989 | Tỉnh Sơn La      | Hồi sức cấp cứu           | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 242 | 30   | 02210220 | HOÀNG VĂN TIẾN         | Nam       | 30/11/1989 | Tỉnh Thanh Hóa   | Hồi sức cấp cứu           | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 243 | 31   | 02210712 | NGUYỄN THẢO TRANG      | Nữ        | 02/10/1993 | Tỉnh Phú Thọ     | Hồi sức cấp cứu           | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 244 | 32   | 02210044 | NGUYỄN NGỌC TRÌNH      | Nam       | 20/12/1990 | Tỉnh Điện Biên   | Hồi sức cấp cứu           | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 245 | 33   | 02210456 | KIM DUY TÙNG           | Nam       | 10/10/1990 | Tỉnh Thanh Hóa   | Hồi sức cấp cứu           | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 246 | 34   | 02210098 | PHẠM MINH TÙNG         | Nam       | 08/05/1992 | Tỉnh Hải Dương   | Hồi sức cấp cứu           | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 247 | 35   | 02210129 | PHẠM QUỐC VIỆT         | Nam       | 30/11/1992 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Hồi sức cấp cứu           | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 248 | 36   | 02210576 | NGUYỄN VĂN VĨNH        | Nam       | 26/09/1991 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Hồi sức cấp cứu           | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 249 | 1    | 02210385 | NGUYỄN VĂN BÌNH        | Nam       | 10/09/1991 | Tỉnh Hưng Yên    | Huyết học - Truyền máu    | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 250 | 2    | 02210280 | VŨ VĂN ĐỆ              | Nam       | 26/06/1993 | Tỉnh Nam Định    | Huyết học - Truyền máu    | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 251 | 4    | 02210535 | NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI   | Nữ        | 09/02/1985 | Tỉnh Hưng Yên    | Huyết học - Truyền máu    | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 252 | 5    | 02210775 | TRẦN THỊ HẢI THANH     | Nữ        | 12/09/1986 | Tỉnh Hải Dương   | Huyết học - Truyền máu    | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 253 | 6    | 02210885 | PHẠM PHƯƠNG THẢO       | Nữ        | 22/09/1989 | Tỉnh Hưng Yên    | Huyết học - Truyền máu    | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 254 | 7    | 02210275 | HOÀNG THỊ THU THỦY     | Nữ        | 22/01/1987 | Tỉnh Hòa Bình    | Huyết học - Truyền máu    | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 255 | 9    | 02210203 | NGUYỄN HOÀNG VIỆT      | Nam       | 14/03/1993 |                  | Huyết học - Truyền máu    | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 256 | 10   | 02210387 | PHẠM HẢI YẾN           | Nữ        | 27/08/1984 | Tỉnh Hưng Yên    | Huyết học - Truyền máu    | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 257 | 1    | 02210874 | LƯƠNG THỊ ANH          | Nữ        | 17/07/1990 |                  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT   | Đề TH    | Tiếng Anh |
| 258 | 1    | 02210887 | ĐỖ THỊ KIỀU ANH        | Nữ        | 15/07/1992 | Tỉnh Nam Định    | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT   | Đề TH    | Tiếng Anh |
| 259 | 2    | 02210075 | PHẠM ĐỨC ANH           | Nam       | 01/03/1996 | Tỉnh Tuyên Quang | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT   | Đề TH    | Tiếng Anh |
| 260 | 3    | 02210589 | TRẦN NGỌC ÁNH          | Nữ        | 11/11/1993 | Tỉnh Bắc Giang   | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT   | Đề TH    | Tiếng Anh |
| 261 | 4    | 02210636 | LƯU THỊ CHIÊM          | Nữ        | 03/12/1989 | Tỉnh Bắc Ninh    | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT   | Đề TH    | Tiếng Anh |
| 262 | 5    | 02210218 | NGUYỄN VĂN CHÍNH       | Nam       | 10/06/1991 | TP Hải Phòng     | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT   | Đề TH    | Tiếng Anh |
| 263 | 6    | 02210816 | ĐỖ NGỌC DUÂN           | Nam       | 09/07/1993 | Tỉnh Thái Bình   | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT   | Đề TH    | Miễn thi  |
| 264 | 7    | 02210055 | NGÔ THỊ NGỌC DUNG      | Nữ        | 12/03/1992 | Tỉnh Bắc Giang   | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT   | Đề TH    | Tiếng Anh |
| 265 | 8    | 02210856 | NGUYỄN ĐOÀN DŨNG       | Nam       | 13/11/1983 | TP Hà Nội        | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT   | Đề TH    | Tiếng Anh |
| 266 | 9    | 02210768 | NGUYỄN TRỊNH THẾ DUYỆT | Nam       | 17/11/1995 | Tỉnh Hòa Bình    | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT   | Đề TH    | Tiếng Anh |
| 267 | 11   | 02210252 | NGUYỄN THỊ MINH HÀ     | Nữ        | 13/06/1994 | TP Hà Nội        | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT   | Đề TH    | Tiếng Anh |
| 268 | 12   | 02210600 | NGUYỄN THỊ HẢI         | Nữ        | 26/10/1995 | Tỉnh Bắc Ninh    | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT   | Đề TH    | Tiếng Anh |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi       | Môn CS    | Môn CN     | Môn NN    |
|-----|------|----------|-----------------------|-----------|------------|------------------|---------------------------|-----------|------------|-----------|
| 269 | 13   | 02210491 | LÊ THỊ HẠNH           | Nữ        | 14/04/1989 | Tỉnh Hải Dương   | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 270 | 14   | 02210096 | NGUYỄN ĐỨC HIỀN       | Nam       | 06/01/1996 | Tỉnh Hưng Yên    | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Miễn thi  |
| 271 | 4    | 02210309 | TRẦN TRUNG HÒA        | Nam       | 27/07/1982 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Miễn thi  |
| 272 | 15   | 02210855 | NGUYỄN THỊ HUỆ        | Nữ        | 30/08/1993 | Tỉnh Bắc Ninh    | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 273 | 16   | 02210906 | NGUYỄN HỮU HÙNG       | Nam       | 22/08/1994 | Tỉnh Bắc Ninh    | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 274 | 17   | 02210144 | NGUYỄN VĂN HUY        | Nam       | 15/03/1993 | Tỉnh Ninh Bình   | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 275 | 18   | 02210826 | NGUYỄN TIẾN LÂM       | Nam       | 31/10/1993 | TP Hà Nội        | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 276 | 19   | 02210893 | LÊ THỊ NGỌC LAN       | Nữ        | 02/01/1993 | TP Hà Nội        | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 277 | 20   | 02210097 | NGUYỄN ANH NGỌC       | Nữ        | 24/11/1996 | TP Hải Phòng     | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 278 | 21   | 02210743 | LÊ HỒNG NHUNG         | Nữ        | 01/08/1992 | Tỉnh Thanh Hóa   | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 279 | 22   | 02210424 | LÝ THỊ HOÀI NHUNG     | Nữ        | 24/04/1989 | Tỉnh Bắc Ninh    | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 280 | 23   | 02210882 | NGUYỄN THỊ OANH       | Nữ        | 22/12/1990 | Tỉnh Hải Dương   | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 281 | 24   | 02210751 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG     | Nữ        | 22/09/1997 | Tỉnh Thanh Hóa   | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 282 | 25   | 02210782 | PHẠM THỊ THU PHƯƠNG   | Nữ        | 19/09/1987 | TP Hà Nội        | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Miễn thi  |
| 283 | 26   | 02210447 | NGUYỄN VĂN QUÂN       | Nam       | 17/06/1996 | Tỉnh Hải Dương   | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 284 | 27   | 02210921 | LƯƠNG HUỆ QUYÊN       | Nữ        | 30/11/1996 | Tỉnh Bắc Giang   | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 285 | 28   | 02210839 | LÊ TIẾN THẮNG         | Nam       | 01/02/1992 | Tỉnh Bắc Ninh    | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 286 | 29   | 02210620 | VŨ BÌNH THU           | Nữ        | 08/04/1995 | TP Hà Nội        | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 287 | 30   | 02210604 | CẦN THỊ DIỆU TRANG    | Nữ        | 22/02/1993 | Tỉnh Tuyên Quang | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 288 | 31   | 02210643 | LÊ THỊ HUYỀN TRANG    | Nữ        | 05/12/1988 | Tỉnh Tuyên Quang | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 289 | 32   | 02210041 | PHAN MINH TRANG       | Nữ        | 01/07/1988 | TP Hà Nội        | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 290 | 33   | 02210058 | NGUYỄN KHẮC TÚ        | Nam       | 21/03/1993 | Tỉnh Bắc Ninh    | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 291 | 34   | 02210864 | NGUYỄN THỊ TU         | Nữ        | 08/05/1993 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 292 | 36   | 02210682 | LÊ THỊ TUYỀN          | Nữ        | 17/01/1989 | Tỉnh Hưng Yên    | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 293 | 37   | 02210065 | NGUYỄN THỊ HOÀNG VÂN  | Nữ        | 11/03/1997 | Tỉnh Quảng Nam   | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 294 | 38   | 02210131 | LÊ THỊ XUÂN           | Nữ        | 29/05/1988 | TP Hà Nội        | Kỹ thuật xét nghiệm y học | YSHDT     | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 295 | 1    | 02210198 | NGUYỄN THÙY LIÊN      | Nữ        | 24/05/1987 | TP Hà Nội        | Lão khoa                  | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 296 | 2    | 02210669 | HOÀNG THỊ PHƯƠNG NAM  | Nữ        | 19/01/1988 | Tỉnh Nghệ An     | Lão khoa                  | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 297 | 3    | 02210349 | TRẦN THỊ NHÀI         | Nữ        | 29/09/1988 | Tỉnh Sơn La      | Lão khoa                  | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 298 | 4    | 02210496 | BÙI THỊ THÙY NHUNG    | Nữ        | 30/03/1989 | Tỉnh Hải Dương   | Lão khoa                  | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 299 | 5    | 02210649 | NGUYỄN THỊ THANH XUÂN | Nữ        | 18/10/1989 | Tỉnh Thái Bình   | Lão khoa                  | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 300 | 1    | 02210135 | PHÍ THỊ TÚ ANH        | Nữ        | 23/08/1994 | TP Hà Nội        | Mô phôi thai học          | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 301 | 3    | 02210850 | TRẦN ANH QUÂN         | Nam       | 20/01/1996 | Tỉnh Ninh Bình   | Mô phôi thai học          | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 302 | 1    | 02210558 | BÙI TÙNG ANH          | Nam       | 17/03/1994 | Tỉnh Hà Giang    | Ngoại khoa                | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên         | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi | Môn CS    | Môn CN     | Môn NN    |
|-----|------|----------|-------------------|-----------|------------|------------------|---------------------|-----------|------------|-----------|
| 303 | 2    | 02210346 | CHU PHI ANH       | Nam       | 16/12/1989 | Tỉnh Thanh Hóa   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 304 | 3    | 02210872 | ĐỖ VIỆT ANH       | Nam       | 14/12/1993 | TP Hà Nội        | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 305 | 4    | 02210051 | HOÀNG TUẤN ANH    | Nam       | 05/02/1991 | Tỉnh Thanh Hóa   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 306 | 5    | 02210476 | LÊ ĐỨC ANH        | Nam       | 06/02/1992 | Tỉnh Nam Định    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 307 | 6    | 02210608 | PHẠM VĂN BIÊN     | Nam       | 06/09/1992 | Tỉnh Tuyên Quang | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 308 | 7    | 02210439 | HOÀNG VĂN CHÚC    | Nam       | 05/11/1990 | Tỉnh Bắc Giang   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 309 | 8    | 02210706 | NGUYỄN HỮU CÔNG   | Nam       | 21/01/1994 | TP Hà Nội        | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 310 | 9    | 02210217 | DƯƠNG VIỆT CƯỜNG  | Nam       | 29/10/1990 | Tỉnh Ninh Bình   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 311 | 10   | 02210427 | NGUYỄN MẠNH CƯỜNG | Nam       | 05/01/1992 | Tỉnh Nam Định    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 312 | 11   | 02210632 | LƯƠNG THÀNH ĐẠT   | Nam       | 29/01/1993 | Tỉnh Hưng Yên    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 313 | 12   | 02210513 | VŨ ĐÌNH ĐỀ        | Nam       | 01/01/1994 | Tỉnh Nam Định    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 314 | 13   | 02210374 | NGUYỄN VIỆT ĐIỆP  | Nam       | 14/08/1991 | Tỉnh Bắc Ninh    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 315 | 14   | 02210149 | TRỊNH DOÃN ĐÔNG   | Nam       | 20/11/1992 | Tỉnh Thanh Hóa   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 316 | 15   | 02210506 | NGUYỄN ANH ĐỨC    | Nam       | 06/11/1993 | Tỉnh Nghệ An     | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 317 | 16   | 02210290 | NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC   | Nam       | 16/10/1992 | Tỉnh Nghệ An     | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 318 | 17   | 02210738 | NGUYỄN MINH ĐỨC   | Nam       | 16/02/1990 | TP Hà Nội        | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 319 | 18   | 02210594 | HỒ TUẤN DŨNG      | Nam       | 10/01/1992 | Tỉnh Nghệ An     | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 320 | 19   | 02210626 | VŨ TUẤN DŨNG      | Nam       | 03/10/1990 | Tỉnh Hải Dương   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 321 | 20   | 02210514 | TRỊNH TUẤN DƯƠNG  | Nam       | 13/06/1990 | Tỉnh Thanh Hóa   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 322 | 21   | 02210542 | NGUYỄN QUANG DUY  | Nam       | 08/03/1992 | Tỉnh Bắc Giang   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 323 | 22   | 02210485 | ĐẶNG HOÀNG GIANG  | Nam       | 15/03/1987 | Tỉnh Bắc Ninh    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 324 | 23   | 02210417 | TRẦN THU HÀ       | Nữ        | 16/11/1991 | Tỉnh Thanh Hóa   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 325 | 24   | 02210036 | VŨ NGỌC HÀ        | Nam       | 04/10/1991 | Tỉnh Lai Châu    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 326 | 25   | 02210332 | DIỆP VĂN HAI      | Nam       | 12/09/1993 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 327 | 26   | 02210911 | HOÀNG HỒNG HẢI    | Nam       | 21/02/1991 | TP Hà Nội        | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 328 | 27   | 02210806 | NGUYỄN NGỌC HẢI   | Nam       | 04/03/1991 | Tỉnh Thanh Hóa   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 329 | 28   | 02210724 | ĐỖ CHÍ HẢO        | Nam       | 26/08/1993 | Tỉnh Hưng Yên    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 330 | 29   | 02210641 | ĐẶNG ĐÌNH HIẾU    | Nam       | 03/11/1991 | Tỉnh Hải Dương   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 331 | 30   | 02210590 | DƯƠNG VĂN HIẾU    | Nam       | 19/10/1992 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 332 | 31   | 02210193 | NGUYỄN HUY HOÀNG  | Nam       | 27/09/1992 | Tỉnh Hải Dương   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 333 | 32   | 02210445 | VŨ XUÂN HOÀNG     | Nam       | 30/11/1993 | Tỉnh Yên Bái     | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 334 | 33   | 02210905 | GIANG MẠNH HÙNG   | Nam       | 20/03/1994 | Tỉnh Thái Bình   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 335 | 34   | 02210678 | TRẦN ĐỨC HÙNG     | Nam       | 15/08/1994 | Tỉnh Nam Định    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 336 | 35   | 02210125 | LÊ ĐÌNH HÙNG      | Nam       | 12/08/1991 | Tỉnh Thanh Hóa   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên         | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi | Môn CS    | Môn CN     | Môn NN    |
|-----|------|----------|-------------------|-----------|------------|------------------|---------------------|-----------|------------|-----------|
| 337 | 36   | 02210435 | NGUYỄN QUỐC HÙNG  | Nam       | 10/08/1991 | Tỉnh Nghệ An     | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 338 | 37   | 02210717 | ĐỒNG THỊ HƯƠNG    | Nữ        | 25/02/1993 | Tỉnh Hưng Yên    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 339 | 38   | 02210897 | PHẠM QUANG KHAI   | Nam       | 23/05/1995 | Tỉnh Điện Biên   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 340 | 39   | 02210168 | TRỊNH TUẤN KHANG  | Nam       | 11/11/1992 | Tỉnh Nam Định    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 341 | 40   | 02210321 | NGUYỄN VĂN KHOA   | Nam       | 16/05/1991 | Tỉnh Bắc Giang   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 342 | 41   | 02210798 | NGUYỄN TRUNG KIÊN | Nam       | 09/11/1993 | Tỉnh Bắc Ninh    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 343 | 42   | 02210284 | NGUYỄN XUÂN KIÊN  | Nam       | 12/02/1990 | Tỉnh Bắc Ninh    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 344 | 43   | 02210753 | TRẦN KIÊN         | Nam       | 07/03/1993 | TP Hà Nội        | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 345 | 44   | 02210726 | BÙI VĂN LÂM       | Nam       | 18/12/1992 | Tỉnh Hải Dương   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 346 | 45   | 02210497 | PHAN TÙNG LÂM     | Nam       | 24/06/1991 | TP Hà Nội        | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 347 | 46   | 02210339 | TRẦN XUÂN LỘC     | Nam       | 10/08/1992 | Tỉnh Nam Định    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 348 | 47   | 02210503 | PHẠM NGỌC LỢI     | Nam       | 17/12/1994 | Tỉnh Lai Châu    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 349 | 48   | 02210554 | LÊ TRỌNG LUẬT     | Nam       | 03/02/1994 | TP Hà Nội        | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 350 | 49   | 02210829 | NGUYỄN THẾ LỰC    | Nam       | 23/07/1994 | TP Hải Phòng     | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 351 | 50   | 02210646 | NGUYỄN ĐÌNH MẠNH  | Nam       | 23/07/1994 | TP Hà Nội        | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 352 | 51   | 02210064 | PHẠM VĂN MẠNH     | Nam       | 01/09/1989 | Tỉnh Thanh Hóa   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 353 | 52   | 02210801 | TRẦN ĐỨC MẠNH     | Nam       | 11/01/1993 | TP Hải Phòng     | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 354 | 53   | 02210263 | ĐÀO VĂN MINH      | Nam       | 15/01/1992 | Tỉnh Hòa Bình    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 355 | 54   | 02210475 | VŨ VĂN NAM        | Nam       | 29/05/1992 | Tỉnh Thái Bình   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 356 | 55   | 02210511 | ĐỖ TỎI NGHĨA      | Nam       | 28/11/1994 | Tỉnh Thanh Hóa   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 357 | 56   | 02210012 | NGUYỄN HỒNG QUÂN  | Nam       | 20/05/1990 | Tỉnh Thanh Hóa   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 358 | 57   | 02210394 | PHẠM DƯƠNG QUÂN   | Nam       | 06/06/1992 | Tỉnh Thái Nguyên | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 359 | 58   | 02210495 | TRẦN HỒNG QUÂN    | Nam       | 09/01/1992 | Tỉnh Nghệ An     | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 360 | 59   | 02210587 | TRẦN XUÂN QUỲNH   | Nam       | 09/02/1990 | Tỉnh Nghệ An     | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 361 | 60   | 02210261 | NGUYỄN HỮU SÂM    | Nam       | 05/12/1995 | TP Hà Nội        | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 362 | 61   | 02210358 | HOÀNG VĂN SINH    | Nam       | 16/03/1992 | Tỉnh Nam Định    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 363 | 62   | 02210609 | NGUYỄN MỘC SƠN    | Nam       | 18/10/1988 | TP Hà Nội        | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 364 | 63   | 02210546 | DƯƠNG VĂN TÂN     | Nam       | 05/01/1991 | Tỉnh Bắc Ninh    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 365 | 64   | 02210654 | NGUYỄN NGỌC TÂN   | Nam       | 08/12/1981 | TP Hà Nội        | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 366 | 65   | 02210902 | LÊ XUÂN THÁI      | Nam       | 04/06/1992 | Tỉnh Điện Biên   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 367 | 66   | 02210766 | HOÀNG MINH THẮNG  | Nam       | 27/10/1986 | TP Hà Nội        | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 368 | 67   | 02210432 | NGUYỄN HUY THẮNG  | Nam       | 12/03/1989 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 369 | 68   | 02210567 | NGUYỄN VIỆT THẮNG | Nam       | 17/11/1991 | Tỉnh Tuyên Quang | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 370 | 69   | 02210771 | PHẠM ĐỨC THẮNG    | Nam       | 05/09/1993 | Tỉnh Bắc Ninh    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh        | Chuyên ngành dự thi | Môn CS    | Môn CN     | Môn NN     |
|-----|------|----------|------------------------|-----------|------------|-----------------|---------------------|-----------|------------|------------|
| 371 | 70   | 02210781 | VÕ VĂN THANH           | Nam       | 25/04/1987 | Tỉnh Thanh Hóa  | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 372 | 71   | 02210741 | BÙI XUÂN THÀNH         | Nam       | 28/07/1992 | TP Hải Phòng    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 373 | 72   | 02210789 | NGUYỄN ĐỨC THÀNH       | Nam       | 20/10/1994 | TP Hà Nội       | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 374 | 73   | 02210016 | TRẦN XUÂN THÀNH        | Nam       | 28/04/1992 | Tỉnh Nam Định   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 375 | 74   | 02210737 | NGUYỄN HỮU THẢO        | Nam       | 24/03/1989 | Tỉnh Nghệ An    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 376 | 75   | 02210785 | NGUYỄN THIÊN THỂ       | Nam       | 21/06/1993 | Tỉnh Nghệ An    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 377 | 76   | 02210214 | NGUYỄN XUÂN HUNG THỊNH | Nam       | 20/11/1992 | TP Đà Nẵng      | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 378 | 77   | 02210640 | TRƯƠNG TIẾN THỊNH      | Nam       | 02/08/1993 | Tỉnh Vĩnh Phúc  | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 379 | 80   | 02210569 | CHU VĂN TOÁN           | Nam       | 20/11/1991 | Tỉnh Vĩnh Phúc  | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 380 | 81   | 02210615 | PHẠM QUỐC TRÍ          | Nam       | 18/12/1991 | TP Hà Nội       | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 381 | 82   | 02210074 | LÊ ĐỨC TRƯỜNG          | Nam       | 27/05/1994 | TP Hà Nội       | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 382 | 83   | 02210390 | NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG     | Nam       | 03/07/1990 | Tỉnh Nam Định   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 383 | 84   | 02210715 | NGUYỄN VĂN TRƯỜNG      | Nam       | 26/08/1992 | Tỉnh Bắc Ninh   | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 384 | 85   | 02210910 | NGUYỄN ANH TÚ          | Nam       | 31/03/1991 | TP Hà Nội       | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 385 | 86   | 02210863 | PHẠM ĐỨC TÚ            | Nam       | 22/06/1993 | Tỉnh Thái Bình  | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 386 | 87   | 02210774 | TRẦN ANH TÚ            | Nam       | 13/05/1991 | TP Hà Nội       | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 387 | 88   | 02210467 | ĐỖ ANH TUẤN            | Nam       | 22/01/1993 | TP Hà Nội       | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 388 | 89   | 02210391 | TRẦN BÁ TUẤN           | Nam       | 20/12/1991 | Tỉnh Quảng Ninh | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 389 | 90   | 02210107 | PHẠM THANH TÙNG        | Nam       | 12/12/1991 | Tỉnh Thái Bình  | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 390 | 91   | 02210414 | TẠ TRẦN TÙNG           | Nam       | 20/09/1989 | Tỉnh Thanh Hóa  | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 391 | 27   | 02210032 | MỶ DUY TÙNG            | Nam       | 26/01/1990 | Tỉnh Thanh Hóa  | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 392 | 92   | 02210371 | VƯƠNG QUANG UYÊN       | Nam       | 02/05/1994 | Tỉnh Phú Thọ    | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Pháp |
| 393 | 93   | 02210029 | NGUYỄN THÀNH VINH      | Nam       | 29/08/1993 | Tỉnh Thanh Hóa  | Ngoại khoa          | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 394 | 2    | 02210898 | ĐINH THỊ MAI ANH       | Nữ        | 05/11/1991 | Tỉnh Phú Thọ    | Nhân khoa           | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 395 | 3    | 02210685 | VƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG  | Nữ        | 29/06/1988 | Tỉnh Nghệ An    | Nhân khoa           | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 396 | 4    | 02210242 | TÔN VIỆT DŨNG          | Nam       | 30/03/1991 | TP Hà Nội       | Nhân khoa           | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 397 | 5    | 02210448 | VŨ DƯƠNG HỒNG          | Nam       | 17/12/1991 | TP Hà Nội       | Nhân khoa           | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 398 | 6    | 02210769 | NGUYỄN THỊ HƯNG        | Nữ        | 20/06/1991 | Tỉnh Hưng Yên   | Nhân khoa           | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 399 | 8    | 02210681 | PHẠM DIỆU LINH         | Nữ        | 06/07/1991 | TP Hà Nội       | Nhân khoa           | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 400 | 9    | 02210099 | TRẦN LÊ PHƯƠNG LOAN    | Nữ        | 10/06/1993 | Tỉnh Hưng Yên   | Nhân khoa           | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 401 | 11   | 02210006 | CHU MẠNH THANH         | Nam       | 28/07/1994 | Tỉnh Vĩnh Phúc  | Nhân khoa           | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 402 | 12   | 02210007 | PHÙNG VĂN THẠNH        | Nam       | 08/07/1993 | Tỉnh Hưng Yên   | Nhân khoa           | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi   |
| 403 | 13   | 02210692 | LÊ ĐỨC THIÊN           | Nam       | 22/06/1991 | TP Hà Nội       | Nhân khoa           | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |
| 404 | 14   | 02210368 | ĐINH THỊ THỦY          | Nữ        | 24/05/1993 | Tỉnh Thái Bình  | Nhân khoa           | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh  |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi | Môn CS    | Môn CN     | Môn NN    |
|-----|------|----------|----------------------|-----------|------------|------------------|---------------------|-----------|------------|-----------|
| 405 | 15   | 02210133 | ĐỖ NGỌC TOÀN         | Nam       | 05/11/1994 | Tỉnh Thái Bình   | Nhân khoa           | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 406 | 16   | 02210340 | LÊ QUANG TRUNG       | Nam       | 10/04/1993 | Tỉnh Nam Định    | Nhân khoa           | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 407 | 1    | 02210800 | DƯƠNG VĂN ANH        | Nữ        | 24/04/1991 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 408 | 2    | 02210326 | ĐỖ THỊ CẦN           | Nữ        | 25/05/1990 | TP Hà Nội        | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 409 | 4    | 02210228 | QUẦN BÍCH DIỆP       | Nữ        | 18/09/1992 | Tỉnh Hưng Yên    | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 410 | 5    | 02210382 | NGUYỄN SỸ ĐỨC        | Nam       | 28/04/1989 | Tỉnh Hà Tĩnh     | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 411 | 6    | 02210527 | KHƯƠNG THỊ KIM DUNG  | Nữ        | 02/12/1987 | Tỉnh Nam Định    | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 412 | 7    | 02210596 | NGUYỄN THÙY DUNG     | Nữ        | 13/03/1986 | Tỉnh Hải Dương   | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 413 | 8    | 02210739 | ĐỖ THỊ HƯƠNG GIANG   | Nữ        | 17/03/1990 | Tỉnh Tuyên Quang | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 414 | 9    | 02210877 | TRẦN DIỆP HÀ         | Nữ        | 06/02/1989 | TP Hà Nội        | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 415 | 10   | 02210318 | ĐỖ THỊ HẢI HÀ        | Nữ        | 08/01/1988 | Tỉnh Hưng Yên    | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 416 | 11   | 02210002 | NGUYỄN THỊ HÀ        | Nữ        | 01/12/1986 | Tỉnh Nam Định    | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 417 | 13   | 02210212 | NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ   | Nữ        | 23/10/1990 | Tỉnh Thái Nguyên | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 418 | 14   | 02210622 | TỔNG THỊ HUỆ         | Nữ        | 10/04/1993 | Tỉnh Nam Định    | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 419 | 15   | 02210170 | LÊ XUÂN HÙNG         | Nam       | 03/09/1991 | Tỉnh Thanh Hóa   | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 420 | 16   | 02210483 | MAI VĂN HÙNG         | Nam       | 18/06/1991 | Tỉnh Nam Định    | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 421 | 17   | 02210784 | NGUYỄN THỊ HUYỀN     | Nữ        | 31/05/1993 | Tỉnh Hưng Yên    | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 422 | 18   | 02210698 | NGUYỄN TRUNG KIÊN    | Nam       | 10/08/1983 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 423 | 19   | 02210024 | NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN | Nữ        | 03/09/1991 | Tỉnh Bắc Ninh    | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 424 | 20   | 02210828 | ĐỖ MỸ LINH           | Nữ        | 30/12/1992 | TP Hà Nội        | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 425 | 21   | 02210425 | LÊ DIỆU LINH         | Nữ        | 10/05/1992 | TP Hà Nội        | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 426 | 22   | 02210703 | NGUYỄN THỊ LINH      | Nữ        | 10/03/1988 | TP Hà Nội        | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 427 | 23   | 02210269 | NGUYỄN THỊ MỸ LINH   | Nữ        | 02/10/1993 | Tỉnh Thái Bình   | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 428 | 24   | 02210103 | ĐINH THỊ NGỌC MAI    | Nữ        | 04/10/1988 | TP Hà Nội        | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 429 | 25   | 02210482 | NINH THỊ PHƯƠNG MAI  | Nữ        | 20/10/1993 | Tỉnh Bắc Giang   | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 430 | 26   | 02210791 | LÊ QUANG MINH        | Nam       | 14/02/1993 | TP Hà Nội        | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 431 | 27   | 02210552 | NGUYỄN HOÀI NAM      | Nam       | 09/07/1991 |                  | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 432 | 28   | 02210568 | TRẦN THỊ KIM NGỌC    | Nữ        | 28/04/1991 | Tỉnh Bắc Giang   | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 433 | 29   | 02210461 | TRẦN VĂN PHÚ         | Nam       | 16/03/1992 | Tỉnh Hà Tĩnh     | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 434 | 30   | 02210549 | ĐÀO VĂN PHÚC         | Nam       | 01/01/1993 | Tỉnh Bắc Ninh    | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 435 | 31   | 02210351 | ĐỖ HỒNG PHƯƠNG       | Nữ        | 12/05/1994 | TP Hà Nội        | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 436 | 32   | 02210814 | HOÀNG THẢO PHƯƠNG    | Nữ        | 30/03/1992 | Tỉnh Bắc Ninh    | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 437 | 33   | 02210612 | NGUYỄN MINH PHƯƠNG   | Nữ        | 11/09/1994 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 438 | 34   | 02210093 | CAO THỊ THU QUẾ      | Nữ        | 15/09/1991 | Tỉnh Phú Thọ     | Nhi khoa            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh        | Chuyên ngành dự thi | Môn CS  | Môn CN   | Môn NN    |
|-----|------|----------|-----------------------|-----------|------------|-----------------|---------------------|---------|----------|-----------|
| 439 | 35   | 02210606 | TRƯƠNG VĂN QUÝ        | Nam       | 01/12/1983 | Tỉnh Hà Nam     | Nhi khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 440 | 36   | 02210270 | NGUYỄN HỒNG SƠN       | Nam       | 30/12/1991 | Tỉnh Nam Định   | Nhi khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 441 | 37   | 02210633 | LÊ THỊ THANH TÂM      | Nữ        | 08/08/1989 | Tỉnh Nghệ An    | Nhi khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 442 | 39   | 02210399 | LƯƠNG TRUNG THÀNH     | Nam       | 15/11/1992 | Tỉnh Nam Định   | Nhi khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 443 | 40   | 02210583 | NGUYỄN TIẾN THÀNH     | Nam       | 28/11/1992 | Tỉnh Nghệ An    | Nhi khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 444 | 41   | 02210224 | VŨ THỊ THU            | Nữ        | 08/02/1988 | Tỉnh Nghệ An    | Nhi khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 445 | 42   | 02210538 | TRẦN THỊ ANH THƯƠNG   | Nữ        | 10/09/1989 | Tỉnh Bắc Ninh   | Nhi khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 446 | 43   | 02210377 | TRỊNH THỊ THÚY        | Nữ        | 19/08/1989 | Tỉnh Thanh Hóa  | Nhi khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 447 | 44   | 02210082 | NGUYỄN VĂN TÍNH       | Nam       | 13/09/1990 | TP Hà Nội       | Nhi khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 448 | 45   | 02210807 | ĐỖ THỊ TRÀ            | Nữ        | 14/05/1991 | Tỉnh Hải Dương  | Nhi khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 449 | 46   | 02210903 | ĐÀO THỊ THUYẾT TRANG  | Nữ        | 25/10/1986 | Tỉnh Nam Định   | Nhi khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 450 | 48   | 02210761 | NGUYỄN PHƯƠNG TRINH   | Nữ        | 04/12/1995 | Tỉnh Nghệ An    | Nhi khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 451 | 49   | 02210510 | CAO NGUYỄN TRƯỜNG     | Nam       | 24/10/1991 | Tỉnh Nghệ An    | Nhi khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 452 | 50   | 02210210 | ĐỒNG XUÂN TUYẾN       | Nam       | 23/08/1993 | TP Hà Nội       | Nhi khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 453 | 1    | 02210415 | ĐẶNG THỊ BÍCH         | Nữ        | 07/11/1988 | Tỉnh Hải Dương  | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 454 | 2    | 02210196 | HOÀNG THỊ BÌNH        | Nữ        | 03/08/1992 | Tỉnh Quảng Ninh | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 455 | 3    | 02210422 | VŨ THỊ LỆ CHI         | Nữ        | 03/09/1993 | Tỉnh Thái Bình  | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 456 | 4    | 02210392 | NGUYỄN THUYẾT CHINH   | Nữ        | 15/01/1989 | TP Hà Nội       | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 457 | 5    | 02210722 | NGUYỄN MINH DÂN       | Nam       | 06/10/1994 | TP Hải Phòng    | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 458 | 6    | 02210364 | PHẠM QUANG ĐẠT        | Nam       | 03/12/1991 | Tỉnh Nam Định   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 459 | 7    | 02210674 | TRẦN QUỐC ĐỆ          | Nam       | 20/10/1991 | Tỉnh Thanh Hóa  | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 460 | 8    | 02210651 | NGUYỄN NGỌC DU        | Nam       | 15/07/1988 | Tỉnh Ninh Bình  | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 461 | 9    | 02210792 | HOÀNG ANH ĐỨC         | Nam       | 09/07/1988 |                 | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 462 | 10   | 02210248 | HOÀNG PHƯƠNG DUNG     | Nữ        | 31/08/1989 | Tỉnh Cao Bằng   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 463 | 11   | 02210543 | DƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG | Nữ        | 24/06/1992 | TP Hà Nội       | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 464 | 12   | 02210548 | NGUYỄN THỊ GIANG      | Nữ        | 18/10/1990 | Tỉnh Thái Bình  | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 465 | 13   | 02210313 | NGUYỄN THỊ HÀ         | Nữ        | 21/06/1991 | Tỉnh Hưng Yên   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 466 | 14   | 02210614 | NGUYỄN THỊ HÀ         | Nữ        | 08/11/1992 | TP Hà Nội       | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 467 | 15   | 02210286 | NGUYỄN THỊ HẰNG       | Nữ        | 05/04/1992 | Tỉnh Nghệ An    | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 468 | 16   | 02210718 | NGUYỄN THỊ THU HẰNG   | Nữ        | 19/02/1992 | TP Hà Nội       | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 469 | 17   | 02210537 | TRƯỜNG THỊ THU HẰNG   | Nữ        | 22/01/1994 | Tỉnh Thái Bình  | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 470 | 18   | 02210593 | NGUYỄN PHƯƠNG HẠNH    | Nữ        | 22/12/1989 | Tỉnh Thanh Hóa  | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 471 | 19   | 02210464 | NGÔ THỊ HIỀN          | Nữ        | 13/10/1992 | Tỉnh Nam Định   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 472 | 20   | 02210091 | ĐÀM TRUNG HIẾU        | Nam       | 25/09/1989 | Tỉnh Lạng Sơn   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi | Môn CS  | Môn CN   | Môn NN    |
|-----|------|----------|----------------------|-----------|------------|------------------|---------------------|---------|----------|-----------|
| 473 | 21   | 02210708 | TRẦN THỊ HÒA         | Nữ        | 09/07/1991 | Tỉnh Hà Nam      | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 474 | 22   | 02210052 | TRẦN BÁ KHÁNH HOAN   | Nam       | 25/01/1992 | Tỉnh Hà Tĩnh     | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 475 | 23   | 02210046 | TRẦN THỊ HOA HỒNG    | Nữ        | 18/10/1988 | Tỉnh Nghệ An     | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 476 | 24   | 02210299 | LÊ VĂN HÙNG          | Nam       | 15/04/1992 | Tỉnh Hưng Yên    | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 477 | 25   | 02210783 | VŨ QUANG HUY         | Nam       | 09/01/1992 | TP Hà Nội        | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 478 | 26   | 02210663 | NGUYỄN BÁ KHOA       | Nam       | 17/08/1992 | Tỉnh Hải Dương   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 479 | 27   | 02210922 | NGUYỄN VĂN KIỀM      | Nam       | 12/04/1992 | Tỉnh Nam Định    | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 480 | 28   | 02210330 | ĐÀO NGỌC LINH        | Nữ        | 21/09/1990 | TP Hà Nội        | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 481 | 30   | 02210610 | NGUYỄN THỊ LINH      | Nữ        | 27/09/1991 | Tỉnh Nam Định    | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 482 | 32   | 02210732 | NGUYỄN THỊ LY        | Nữ        | 24/12/1993 | Tỉnh Bắc Giang   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 483 | 33   | 02210078 | TRẦN BÙI MINH        | Nam       | 20/06/1988 | Tỉnh Thanh Hóa   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 484 | 34   | 02210700 | TRẦN THỊ HUYỀN NGÀ   | Nữ        | 26/03/1989 | TP Hà Nội        | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 485 | 35   | 02210092 | NGUYỄN VĂN NGÂN      | Nam       | 12/09/1989 | Tỉnh Sơn La      | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 486 | 36   | 02210199 | ĐẶNG BÍCH NGỌC       | Nữ        | 26/08/1988 |                  | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 487 | 37   | 02210062 | HOÀNG THỊ NGỌC       | Nữ        | 05/06/1991 | Tỉnh Thanh Hóa   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 488 | 38   | 02210291 | TẠ MINH NGỌC         | Nữ        | 14/07/1990 | TP Hà Nội        | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 489 | 39   | 02210831 | LÊ BÍCH NHÀN         | Nữ        | 03/11/1988 | Tỉnh Thái Nguyên | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 490 | 40   | 02210509 | NGÔ THỊ THỰC NHÀN    | Nữ        | 31/07/1992 | Tỉnh Nam Định    | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 491 | 41   | 02210809 | DƯƠNG THỊ NHUNG      | Nữ        | 05/03/1991 | Tỉnh Thanh Hóa   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 492 | 42   | 02210076 | NGUYỄN THỊ NHUNG     | Nữ        | 24/04/1992 | Tỉnh Hưng Yên    | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 493 | 43   | 02210181 | BÙI TRÍ NỘI          | Nam       | 22/12/1991 | Tỉnh Nghệ An     | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 494 | 44   | 02210186 | LA THỊ KIỀU OANH     | Nữ        | 19/05/1989 | Tỉnh Thanh Hóa   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 495 | 45   | 02210675 | TRƯƠNG VĂN PHONG     | Nam       | 02/10/1990 | Tỉnh Nghệ An     | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 496 | 46   | 02210120 | BÙI HỒNG PHƯƠNG      | Nam       | 23/08/1989 | Tỉnh Ninh Bình   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 497 | 47   | 02210713 | ĐẶNG THANH PHƯƠNG    | Nữ        | 27/11/1991 | TP Hà Nội        | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 498 | 48   | 02210436 | HÀ PHƯƠNG            | Nữ        | 04/09/1990 | Tỉnh Hải Dương   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 499 | 49   | 02210184 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG    | Nữ        | 13/08/1993 | Tỉnh Nghệ An     | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 500 | 50   | 02210347 | LƯU THÚY QUỲNH       | Nữ        | 30/09/1984 | TP Hà Nội        | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 501 | 51   | 02210334 | NGUYỄN THỊ QUỲNH     | Nữ        | 11/07/1990 | Tỉnh Thái Bình   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 502 | 52   | 02210770 | NGUYỄN BÁ NGỌC SƠN   | Nam       | 25/05/1993 | Tỉnh Quảng Ninh  | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 503 | 53   | 02210505 | NGUYỄN THỊ HOÀI THẨM | Nữ        | 24/04/1994 | Tỉnh Nghệ An     | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 504 | 55   | 02210147 | BÙI TRÍ THỨC         | Nam       | 01/11/1993 | Tỉnh Nam Định    | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 505 | 56   | 02210223 | NGUYỄN THỊ THỦY      | Nữ        | 31/05/1992 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 506 | 57   | 02210710 | NGUYỄN THỊ AN THỦY   | Nữ        | 18/11/1985 | TP Hà Nội        | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh        | Chuyên ngành dự thi | Môn CS  | Môn CN   | Môn NN    |
|-----|------|----------|------------------------|-----------|------------|-----------------|---------------------|---------|----------|-----------|
| 507 | 58   | 02210400 | NGUYỄN THỊ THU THỦY    | Nữ        | 21/09/1993 | Tỉnh Sơn La     | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 508 | 59   | 02210395 | NGUYỄN THỊ THU THỦY    | Nữ        | 10/12/1989 | TP Hà Nội       | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 509 | 60   | 02210177 | DƯƠNG THỊ THU TRANG    | Nữ        | 16/11/1986 | Tỉnh Nam Định   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 510 | 61   | 02210765 | NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG | Nữ        | 24/03/1993 | Tỉnh Hải Dương  | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 511 | 62   | 02210159 | TRẦN HUYỀN TRANG       | Nữ        | 23/05/1987 | TP Hà Nội       | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 512 | 63   | 02210705 | HOÀNG MẠNH TRUNG       | Nam       | 15/04/1989 | TP Hà Nội       | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 513 | 65   | 02210842 | NGUYỄN XUÂN TUYẾN      | Nam       | 29/02/1992 | Tỉnh Hải Dương  | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 514 | 66   | 02210050 | PHẠM THỊ CẨM VÂN       | Nữ        | 09/09/1991 | Tỉnh Hưng Yên   | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 515 | 67   | 02210043 | NGUYỄN THỊ XUYỀN       | Nữ        | 29/09/1992 | Tỉnh Nghệ An    | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 516 | 68   | 02210672 | VŨ THỊ HẢI YẾN         | Nữ        | 18/08/1994 | Tỉnh Thái Bình  | Nội khoa            | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 517 | 1    | 02210667 | ĐỖ VĂN BẮC             | Nam       | 18/10/1992 | Tỉnh Vĩnh Phúc  | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 518 | 2    | 02210009 | TỔNG MINH CÔNG         | Nam       | 19/08/1995 | Tỉnh Quảng Ninh | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 519 | 3    | 02210420 | TRẦN VIỆT CƯỜNG        | Nam       | 08/11/1995 | Tỉnh Phú Thọ    | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 520 | 4    | 02210355 | BÙI MINH ĐẠT           | Nam       | 05/05/1992 | TP Hà Nội       | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 521 | 5    | 02210849 | ĐẶNG THỊ VŨ DIỆU       | Nữ        | 16/12/1985 | Tỉnh Nam Định   | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 522 | 6    | 02210825 | ĐINH NGỌC ĐỨC          | Nam       | 19/06/1993 | Tỉnh Bắc Kạn    | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 523 | 7    | 02210304 | NGUYỄN THỊ HẰNG        | Nữ        | 17/02/1993 | Tỉnh Hưng Yên   | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 524 | 8    | 02210727 | TRẦN TRỌNG HIẾU        | Nam       | 10/05/1993 | Tỉnh Bắc Giang  | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 525 | 10   | 02210343 | TRIỆU KIM HOÀNG        | Nam       | 25/02/1987 | Tỉnh Thanh Hóa  | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 526 | 11   | 02210731 | NGUYỄN MẠNH HÙNG       | Nam       | 20/09/1993 | Tỉnh Thanh Hóa  | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 527 | 12   | 02210653 | NGUYỄN THANH HÙNG      | Nam       | 18/12/1992 | Tỉnh Nghệ An    | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 528 | 13   | 02210563 | ĐỖ THỊ THU HƯƠNG       | Nữ        | 22/03/1994 | Tỉnh Thái Bình  | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 529 | 14   | 02210244 | BÙI THỊ THU HƯỜNG      | Nữ        | 18/11/1989 | Tỉnh Bắc Ninh   | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 530 | 15   | 02210239 | NGUYỄN THỊ LINH        | Nữ        | 11/03/1988 | Tỉnh Lào Cai    | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 531 | 16   | 02210132 | HOÀNG HUY LONG         | Nam       | 19/06/1991 | Tỉnh Thanh Hóa  | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 532 | 31   | 02210438 | ĐỖ HOÀNG LONG          | Nam       | 09/08/1993 | TP Hà Nội       | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 533 | 17   | 02210687 | QUÁCH THỊ MAI          | Nữ        | 10/05/1986 | Tỉnh Thái Bình  | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 534 | 18   | 02210031 | PHẠM NHẬT MINH         | Nam       | 26/08/1987 | TP Hà Nội       | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 535 | 19   | 02210169 | NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT | Nữ        | 18/07/1990 | TP Hà Nội       | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 536 | 20   | 02210274 | MAI THỊ PHƯƠNG         | Nữ        | 15/08/1991 | Tỉnh Thanh Hóa  | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 537 | 21   | 02210155 | TRẦN MINH PHƯƠNG       | Nữ        | 20/01/1996 | TP Hà Nội       | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 538 | 22   | 02210430 | NGUYỄN VĂN THÁI        | Nam       | 25/04/1993 | Tỉnh Nghệ An    | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |
| 539 | 23   | 02210143 | NGUYỄN CHIẾN THẮNG     | Nam       | 31/03/1992 | Tỉnh Hà Tĩnh    | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Miễn thi  |
| 540 | 24   | 02210329 | NGUYỄN TIẾN THÀNH      | Nam       | 02/02/1994 | Tỉnh Hà Tĩnh    | Nội Tim mạch        | Sinh lý | Nội khoa | Tiếng Anh |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh        | Chuyên ngành dự thi | Môn CS    | Môn CN     | Môn NN    |
|-----|------|----------|-----------------------|-----------|------------|-----------------|---------------------|-----------|------------|-----------|
| 541 | 25   | 02210837 | PHẠM TIỀN THÀNH       | Nam       | 23/12/1989 | TP Hà Nội       | Nội Tim mạch        | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 542 | 26   | 02210845 | VŨ HUY THÀNH          | Nam       | 31/03/1992 | TP Hà Nội       | Nội Tim mạch        | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 543 | 27   | 02210152 | PHÙNG VĂN THAO        | Nam       | 01/08/1992 | TP Hà Nội       | Nội Tim mạch        | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 544 | 28   | 02210018 | BÙI THỊ LỆ THƯƠNG     | Nữ        | 22/11/1992 | Tỉnh Thanh Hóa  | Nội Tim mạch        | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 545 | 30   | 02210453 | TRẦN TUẤN VIỆT        | Nam       | 20/05/1987 | TP Hà Nội       | Nội Tim mạch        | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 546 | 1    | 02210821 | NGUYỄN VĂN CHIỀU      | Nam       | 10/12/1993 | Tỉnh Bắc Giang  | Phẫu thuật tạo hình | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 547 | 3    | 02210185 | ĐẶNG VĂN ĐỊNH         | Nam       | 08/02/1990 | Tỉnh Hưng Yên   | Phẫu thuật tạo hình | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 548 | 4    | 02210752 | PHẠM XUÂN HÙNG        | Nam       | 30/05/1993 | Tỉnh Bắc Giang  | Phẫu thuật tạo hình | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 549 | 5    | 02210659 | TẠ THỊ HỒNG THÚY      | Nữ        | 10/02/1987 | TP Hà Nội       | Phẫu thuật tạo hình | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 550 | 1    | 02210110 | NGUYỄN MINH HẢI       | Nam       | 27/04/1990 | Tỉnh Điện Biên  | Phục hồi chức năng  | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 551 | 2    | 02210100 | PHẠM THỊ THÚY HẰNG    | Nữ        | 08/12/1993 | Tỉnh Quảng Bình | Phục hồi chức năng  | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 552 | 3    | 02210803 | DƯƠNG HỒNG NHUNG      | Nữ        | 16/04/1990 | Tỉnh Sơn La     | Phục hồi chức năng  | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 553 | 4    | 02210468 | ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO    | Nữ        | 07/03/1993 | Tỉnh Hòa Bình   | Phục hồi chức năng  | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 554 | 5    | 02210095 | DƯƠNG KIỀU TRANG      | Nữ        | 15/08/1990 | Tỉnh Điện Biên  | Phục hồi chức năng  | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 555 | 1    | 02210862 | DƯƠNG THẾ ĐẠT         | Nam       | 07/06/1991 | Tỉnh Phú Thọ    | Quản lý bệnh viện   | KHMT      | TCYT       | Miễn thi  |
| 556 | 2    | 02210190 | LÊ VIỆT DŨNG          | Nam       | 15/10/1989 | TP Hà Nội       | Quản lý bệnh viện   | KHMT      | TCYT       | Tiếng Anh |
| 557 | 3    | 02210637 | NGUYỄN VĂN DUY        | Nam       | 25/02/1996 | Tỉnh Hưng Yên   | Quản lý bệnh viện   | KHMT      | TCYT       | Tiếng Anh |
| 558 | 4    | 02210683 | ĐỖ TÙNG GIANG         | Nam       | 22/07/1996 | Tỉnh Nam Định   | Quản lý bệnh viện   | KHMT      | TCYT       | Tiếng Anh |
| 559 | 5    | 02210778 | NGUYỄN VIỆT HÒA       | Nam       | 08/05/1980 |                 | Quản lý bệnh viện   | KHMT      | TCYT       | Tiếng Anh |
| 560 | 6    | 02210455 | NGUYỄN THỊ HỒNG       | Nữ        | 08/08/1990 | Tỉnh Thanh Hóa  | Quản lý bệnh viện   | KHMT      | TCYT       | Tiếng Anh |
| 561 | 9    | 02210372 | LÊ THỊ QUỲNH HƯƠNG    | Nữ        | 01/01/1994 | TP Hà Nội       | Quản lý bệnh viện   | KHMT      | TCYT       | Miễn thi  |
| 562 | 10   | 02210433 | ĐOÀN THỊ MÈN          | Nữ        | 13/07/1982 | Tỉnh Thái Bình  | Quản lý bệnh viện   | KHMT      | TCYT       | Miễn thi  |
| 563 | 12   | 02210759 | TRẦN BẢO NGỌC         | Nữ        | 05/12/1991 | TP Hà Nội       | Quản lý bệnh viện   | KHMT      | TCYT       | Tiếng Anh |
| 564 | 13   | 02210301 | ĐẬU SỸ NGUYỄN         | Nam       | 10/09/1989 | Tỉnh Hà Tĩnh    | Quản lý bệnh viện   | KHMT      | TCYT       | Tiếng Anh |
| 565 | 15   | 02210085 | NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG   | Nữ        | 05/01/1992 | TP Hà Nội       | Quản lý bệnh viện   | KHMT      | TCYT       | Tiếng Anh |
| 566 | 16   | 02210662 | ĐẬU PHI SƠN           | Nam       | 20/04/1991 | Tỉnh Nghệ An    | Quản lý bệnh viện   | KHMT      | TCYT       | Tiếng Anh |
| 567 | 17   | 02210361 | NGUYỄN THỊ THƯƠNG     | Nữ        | 17/07/1983 | TP Hà Nội       | Quản lý bệnh viện   | KHMT      | TCYT       | Tiếng Anh |
| 568 | 18   | 02210360 | TRẦN THỊ DIỆU TRINH   | Nữ        | 02/12/1984 | TP Hà Nội       | Quản lý bệnh viện   | KHMT      | TCYT       | Miễn thi  |
| 569 | 19   | 02210540 | ĐẶNG QUỐC VIỆT        | Nam       | 12/05/1996 | Tỉnh Nam Định   | Quản lý bệnh viện   | KHMT      | TCYT       | Tiếng Anh |
| 570 | 1    | 02210027 | NGUYỄN THÚY ANH       | Nữ        | 10/07/1993 | Tỉnh Hà Tĩnh    | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 571 | 2    | 02210352 | TRẦN KIỀU ANH         | Nữ        | 27/07/1995 | Tỉnh Thanh Hóa  | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 572 | 3    | 02210363 | TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG ANH | Nữ        | 25/03/1994 | TP Hà Nội       | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 573 | 4    | 02210166 | MAI THỊ ÁNH           | Nữ        | 21/06/1990 | Tỉnh Nam Định   | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH      | Tiếng Anh |
| 574 | 5    | 02210460 | TRỊNH MINH BẦU        | Nam       | 29/03/1989 | TP Hà Nội       | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH      | Tiếng Anh |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi | Môn CS    | Môn CN | Môn NN    |
|-----|------|----------|----------------------|-----------|------------|------------------|---------------------|-----------|--------|-----------|
| 575 | 6    | 02210595 | MAI THỊ DIỆP         | Nữ        | 21/11/1987 | TP Hà Nội        | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Miễn thi  |
| 576 | 7    | 02210793 | LỰ VẤN DU            | Nam       | 14/01/1991 | Tỉnh Lào Cai     | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 577 | 8    | 02210109 | NGÔ THỊ THU HÀ       | Nữ        | 04/10/1992 | Tỉnh Nam Định    | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 578 | 9    | 02210588 | NGUYỄN THANH HẢI     | Nam       | 06/07/1992 | Tỉnh Quảng Bình  | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 579 | 10   | 02210061 | HÀ THỊ HẰNG          | Nữ        | 13/11/1994 |                  | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 580 | 11   | 02210894 | NGUYỄN THỊ HẰNG      | Nữ        | 15/10/1988 | Tỉnh Nam Định    | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Miễn thi  |
| 581 | 12   | 02210833 | VŨ THỊ THANH HẰNG    | Nữ        | 08/10/1990 | Tỉnh Thái Nguyên | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Miễn thi  |
| 582 | 13   | 02210265 | VI THỊ HIỀN          | Nữ        | 15/11/1991 | Tỉnh Bắc Giang   | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 583 | 14   | 02210182 | NGUYỄN THỊ HOA       | Nữ        | 29/03/1992 | Tỉnh Nam Định    | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 584 | 15   | 02210598 | NGUYỄN ĐỨC HOÀNG     | Nam       | 21/01/1993 | TP Hà Nội        | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 585 | 17   | 02210045 | NGUYỄN HƯƠNG LIÊN    | Nữ        | 20/02/1990 | Tỉnh Hà Nam      | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 586 | 18   | 02210840 | CAO ANH LINH         | Nữ        | 19/01/1995 | Tỉnh Quảng Bình  | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Miễn thi  |
| 587 | 19   | 02210145 | NGUYỄN TUẤN LINH     | Nam       | 01/09/1991 | Tỉnh Nam Định    | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Miễn thi  |
| 588 | 20   | 02210428 | TRẦN PHƯƠNG LINH     | Nữ        | 04/06/1991 | Tỉnh Ninh Bình   | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 589 | 22   | 02210841 | NGUYỄN TÀI LONG      | Nam       | 15/01/1992 | TP Hà Nội        | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Miễn thi  |
| 590 | 23   | 02210585 | NGUYỄN THỊ KHÁNH LY  | Nữ        | 04/08/1995 | Tỉnh Quảng Ninh  | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Miễn thi  |
| 591 | 24   | 02210693 | LÊ NGUYỄN ANH MINH   | Nam       | 24/04/1994 | Tỉnh Thanh Hóa   | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 592 | 25   | 02210142 | TÔ NHẬT MINH         | Nam       | 24/10/1994 | Tỉnh Nghệ An     | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 593 | 26   | 02210246 | BÙI THỊ THANH NGÀ    | Nữ        | 11/11/1991 | TP Hà Nội        | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 594 | 22   | 02210562 | TRƯƠNG THỊ BÍCH NGỌC | Nữ        | 16/11/1993 | Tỉnh Ninh Bình   | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 595 | 27   | 02210846 | NGUYỄN THỊ HẢO NHƯ   | Nữ        | 05/12/1994 | Tỉnh Hưng Yên    | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 596 | 29   | 02210413 | PHAN QUÂN            | Nam       | 02/12/1993 | TP Hà Nội        | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 597 | 30   | 02210617 | PHẠM HƯƠNG QUỲNH     | Nữ        | 01/10/1990 | TP Hà Nội        | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 598 | 31   | 02210128 | KHÔNG HOÀNG THAO     | Nam       | 03/09/1991 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 599 | 32   | 02210860 | PHẠM MINH THẢO       | Nữ        | 02/02/1992 | Tỉnh Thái Bình   | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 600 | 33   | 02210421 | PHẠM THỊ THU         | Nữ        | 16/12/1988 | Tỉnh Nam Định    | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 601 | 34   | 02210287 | VŨ THANH THƯƠNG      | Nữ        | 16/04/1987 | Tỉnh Tuyên Quang | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 602 | 35   | 02210857 | NGUYỄN THỊ THUÝ      | Nữ        | 17/11/1991 | TP Hà Nội        | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 603 | 36   | 02210449 | LÊ THU TRANG         | Nữ        | 12/08/1992 | Tỉnh Quảng Ninh  | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 604 | 38   | 02210747 | NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN  | Nữ        | 25/07/1992 | TP Hà Nội        | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 605 | 39   | 02210815 | LA ĐÌNH VINH         | Nam       | 18/12/1990 | Tỉnh Tuyên Quang | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 606 | 40   | 02210136 | NGUYỄN NHƯ VŨ        | Nam       | 09/10/1994 | TP Hà Nội        | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Tiếng Anh |
| 607 | 41   | 02210162 | NGUYỄN THỊ XUÂN      | Nữ        | 16/02/1995 | Tỉnh Bắc Ninh    | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Miễn thi  |
| 608 | 42   | 02210324 | TRẦN NHẬT YẾN        | Nữ        | 16/12/1990 | Tỉnh Thanh Hóa   | Răng - Hàm - Mặt    | Giải phẫu | Đề TH  | Miễn thi  |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi | Môn CS    | Môn CN     | Môn NN    |
|-----|------|----------|----------------------|-----------|------------|------------------|---------------------|-----------|------------|-----------|
| 609 | 1    | 02210644 | NGUYỄN NGỌC TÚ ANH   | Nam       | 04/05/1994 | TP Hà Nội        | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 610 | 2    | 02210238 | NGUYỄN THỊ TÚ ANH    | Nữ        | 03/02/1985 | TP Hà Nội        | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 611 | 3    | 02210868 | PHẠM THỊ MAI ANH     | Nữ        | 28/06/1991 | Tỉnh Hưng Yên    | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 612 | 4    | 02210431 | HOÀNG THỊ CHINH      | Nữ        | 11/06/1988 | Tỉnh Tuyên Quang | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 613 | 5    | 02210130 | NGUYỄN THỊ CÚC       | Nữ        | 11/02/1991 | Tỉnh Thanh Hóa   | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 614 | 7    | 02210359 | NGUYỄN THẾ ĐÔNG      | Nam       | 27/04/1992 | Tỉnh Nghệ An     | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 615 | 9    | 02210599 | NGUYỄN THỊ GẮM       | Nữ        | 02/08/1986 | Tỉnh Thái Bình   | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 616 | 10   | 02210070 | NGUYỄN TIẾN GIANG    | Nam       | 23/09/1993 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 617 | 11   | 02210561 | ĐẶNG VĂN HÀ          | Nam       | 02/11/1994 | Tỉnh Nghệ An     | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 618 | 12   | 02210484 | CAO MỸ HẰNG          | Nữ        | 25/11/1991 | Tỉnh Hòa Bình    | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 619 | 13   | 02210084 | THÂN THỊ BÍCH HẰNG   | Nữ        | 08/09/1991 | TP Hải Phòng     | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 620 | 14   | 02210832 | CAO THỊ HẢO          | Nữ        | 12/12/1992 | Tỉnh Nghệ An     | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 621 | 15   | 02210268 | TRẦN VĂN HOÀNG       | Nam       | 05/06/1991 | Tỉnh Nghệ An     | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 622 | 16   | 02210824 | TRẦN THỊ HUỆ         | Nữ        | 16/11/1993 | Tỉnh Hà Nam      | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 623 | 17   | 02210812 | VŨ THỊ HƯỜNG         | Nữ        | 16/01/1992 | Tỉnh Hưng Yên    | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 624 | 18   | 02210680 | VƯƠNG THỊ HƯỜNG      | Nữ        | 01/12/1991 | TP Hà Nội        | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 625 | 19   | 02210802 | TRƯƠNG QUỐC HUY      | Nam       | 06/08/1992 | TP Hà Nội        | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 626 | 20   | 02210380 | NGUYỄN QUỐC KHÁNH    | Nam       | 28/07/1983 | Tỉnh Nam Định    | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 627 | 21   | 02210591 | NGUYỄN THÀNH LÂM     | Nam       | 05/02/1993 | Tỉnh Thái Bình   | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 628 | 22   | 02210909 | CHU HỒNG NGỌC LINH   | Nữ        | 05/12/1993 | TP Hà Nội        | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 629 | 24   | 02210369 | NGUYỄN VIỆT LINH     | Nam       | 30/07/1991 | Tỉnh Tuyên Quang | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 630 | 25   | 02210102 | PHẠM TUẤN LINH       | Nam       | 08/03/1992 | TP Hà Nội        | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 631 | 26   | 02210423 | TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH | Nữ        | 23/10/1991 | TP Hà Nội        | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 632 | 27   | 02210315 | ĐÀM PHI LONG         | Nam       | 08/07/1994 | Tỉnh Thái Bình   | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 633 | 28   | 02210211 | ĐÀO XUÂN MINH        | Nam       | 17/07/1992 | TP Hà Nội        | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 634 | 29   | 02210473 | PHẠM THỊ MỸ          | Nữ        | 06/01/1991 | Tỉnh Thái Bình   | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 635 | 30   | 02210403 | BÙI THỊ NGÀ          | Nữ        | 04/08/1991 | Tỉnh Thanh Hóa   | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 636 | 31   | 02210237 | DƯƠNG THỊ NGÂN       | Nữ        | 14/08/1990 | Tỉnh Bắc Ninh    | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 637 | 32   | 02210163 | VŨ THỊ KIM NGÂN      | Nữ        | 26/10/1993 | TP Hà Nội        | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 638 | 33   | 02210628 | NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC | Nữ        | 04/08/1989 | Tỉnh Phú Thọ     | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 639 | 34   | 02210172 | NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC  | Nữ        | 15/04/1993 | Tỉnh Hưng Yên    | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 640 | 35   | 02210296 | VŨ THỊ NGỌC          | Nữ        | 27/12/1994 | Tỉnh Hải Dương   | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 641 | 36   | 02210231 | LƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG | Nữ        | 15/02/1993 | Tỉnh Yên Bái     | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 642 | 37   | 02210658 | ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO | Nữ        | 06/07/1989 | Tỉnh Thanh Hóa   | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi | Môn CS    | Môn CN     | Môn NN    |
|-----|------|----------|------------------------|-----------|------------|------------------|---------------------|-----------|------------|-----------|
| 643 | 38   | 02210273 | LÊ VĂN SÂM             | Nam       | 26/08/1992 | Tỉnh Thanh Hóa   | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 644 | 39   | 02210106 | NGUYỄN ANH SƠN         | Nam       | 22/07/1993 | Tỉnh Hưng Yên    | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 645 | 40   | 02210498 | LÊ THẾ THẮNG           | Nam       | 20/02/1991 | Tỉnh Nghệ An     | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 646 | 41   | 02210418 | TRẦN MINH THẮNG        | Nam       | 23/10/1987 | TP Hà Nội        | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 647 | 42   | 02210192 | NGUYỄN TIẾN THÀNH      | Nam       | 10/05/1993 | Tỉnh Phú Thọ     | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 648 | 43   | 02210494 | TRẦN TRỌNG THỰC        | Nam       | 20/02/1992 | TP Hà Nội        | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 649 | 44   | 02210550 | TẠ THỊ THỦY            | Nữ        | 24/06/1990 | Tỉnh Nghệ An     | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 650 | 45   | 02210307 | TRẦN VĂN TOÀN          | Nam       | 25/07/1990 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 651 | 46   | 02210601 | VŨ XUÂN TÙNG           | Nam       | 29/11/1994 | Tỉnh Nam Định    | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 652 | 47   | 02210730 | NGUYỄN THỊ HẢI YẾN     | Nữ        | 30/10/1991 | TP Hà Nội        | Sản phụ khoa        | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 653 | 1    | 02210830 | TRIỆU THỊ NGỌC ANH     | Nữ        | 03/02/1993 | Tỉnh Thái Nguyên | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 654 | 2    | 02210113 | VÕ THẾ ANH             | Nam       | 28/04/1991 | Tỉnh Nghệ An     | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 655 | 3    | 02210151 | NGUYỄN THỊ BÍCH        | Nữ        | 29/06/1993 | TP Hà Nội        | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 656 | 4    | 02210071 | NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH   | Nữ        | 05/07/1989 | TP Hà Nội        | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 657 | 5    | 02210367 | NGUYỄN MINH CHÍ        | Nam       | 12/05/1991 | Tỉnh Phú Thọ     | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 658 | 6    | 02210740 | PHẠM THỊ CHÚC          | Nữ        | 12/11/1991 | Tỉnh Bắc Giang   | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 659 | 7    | 02210817 | PHẠM ANH DŨNG          | Nam       | 24/03/1993 | TP Hà Nội        | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 660 | 8    | 02210556 | BÙI THUỶ DƯƠNG         | Nữ        | 12/02/1988 | TP Hà Nội        | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 661 | 9    | 02210458 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG | Nữ        | 16/02/1988 | Tỉnh Nghệ An     | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 662 | 10   | 02210306 | LÊ THỊ HIỀN HÀ         | Nữ        | 14/01/1992 | TP Hà Nội        | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 663 | 12   | 02210118 | HOÀNG THỊ HẠNH         | Nữ        | 23/07/1992 |                  | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 664 | 13   | 02210605 | NGUYỄN VIỆT TRUNG HIẾU | Nam       | 22/10/1994 | TP Hà Nội        | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 665 | 14   | 02210410 | MAI QUÝ HOÀNG          | Nam       | 25/10/1990 | Tỉnh Thái Bình   | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 666 | 15   | 02210459 | VŨ THỊ MINH HUỆ        | Nữ        | 17/01/1981 | Tỉnh Nam Định    | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 667 | 16   | 02210089 | DƯƠNG QUANG HÙNG       | Nam       | 18/04/1992 | Tỉnh Bắc Giang   | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 668 | 17   | 02210642 | NGUYỄN VĂN HÙNG        | Nam       | 11/11/1986 | Tỉnh Bắc Ninh    | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 669 | 18   | 02210822 | CUNG QUANG HÙNG        | Nam       | 15/12/1991 | TP Hà Nội        | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 670 | 19   | 02210694 | KHÔNG THỊ THIÊN HƯƠNG  | Nữ        | 01/11/1992 | Tỉnh Bắc Ninh    | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 671 | 20   | 02210656 | TRẦN PHÚ KHOA          | Nam       | 15/10/1986 | Tỉnh Thanh Hóa   | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 672 | 21   | 02210757 | TRẦN BẢO LINH          | Nữ        | 13/12/1993 | Tỉnh Thái Nguyên | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 673 | 22   | 02210696 | NGUYỄN THỊ NGỌC MAI    | Nữ        | 12/08/1994 | Tỉnh Thái Nguyên | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 674 | 23   | 02210207 | ĐỖ ANH MINH            | Nam       | 18/10/1992 | TP Hà Nội        | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 675 | 24   | 02210191 | DƯƠNG MINH NGỌC        | Nữ        | 28/05/1992 | Tỉnh Bắc Giang   | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 676 | 25   | 02210689 | NGUYỄN THỊ NGỌC        | Nữ        | 01/06/1994 | Tỉnh Nghệ An     | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi | Môn CS    | Môn CN     | Môn NN    |
|-----|------|----------|----------------------|-----------|------------|------------------|---------------------|-----------|------------|-----------|
| 677 | 26   | 02210834 | MAI THỊ MAI PHƯƠNG   | Nữ        | 19/08/1993 | Tỉnh Thanh Hóa   | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 678 | 27   | 02210317 | NGUYỄN MINH PHƯƠNG   | Nam       | 10/02/1993 | Tỉnh Tuyên Quang | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 679 | 28   | 02210119 | NGUYỄN MINH QUANG    | Nam       | 06/02/1993 | Tỉnh Thanh Hóa   | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 680 | 29   | 02210021 | PHAN ANH SỸ QUẾ      | Nam       | 13/08/1988 | Tỉnh Nghệ An     | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 681 | 31   | 02210178 | NGUYỄN TOÀN THẮNG    | Nam       | 05/04/1975 | TP Hà Nội        | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 682 | 32   | 02210042 | TẠ NGỌC THẮNG        | Nam       | 05/06/1991 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 683 | 33   | 02210525 | NGUYỄN THỊ THỦY      | Nữ        | 05/04/1994 | Tỉnh Thái Bình   | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 684 | 34   | 02210383 | NGUYỄN VĂN TUẤN      | Nam       | 10/12/1992 | Tỉnh Nghệ An     | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 685 |      | 04210927 | PHAN HƯƠNG GIANG     | Nữ        | 03/08/1990 |                  | Tai - Mũi- Họng     | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 686 | 1    | 02210294 | LÊ THỊ HOÀI          | Nữ        | 30/09/1995 | Tỉnh Hải Dương   | Tâm thần            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 687 | 2    | 02210167 | NGUYỄN THỊ THÙY      | Nữ        | 21/11/1995 | Tỉnh Thái Bình   | Tâm thần            | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 688 | 1    | 02210059 | NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH | Nữ        | 04/12/1985 | Tỉnh Hưng Yên    | Thần kinh           | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 689 | 2    | 02210557 | TRẦN VĂN ĐỨC         | Nam       | 23/08/1992 | Tỉnh Thanh Hóa   | Thần kinh           | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 690 | 3    | 02210579 | ĐỖ KHÁNH HÀ          | Nữ        | 25/11/1993 | Tỉnh Hưng Yên    | Thần kinh           | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 691 | 4    | 02210073 | ĐẶNG THỊ KHANG       | Nữ        | 26/09/1991 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Thần kinh           | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 692 | 5    | 02210081 | TRẦN BẢO NGỌC        | Nữ        | 02/09/1991 | Tỉnh Nam Định    | Thần kinh           | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 693 | 6    | 02210298 | ĐỖ THỊ PHƯƠNG        | Nữ        | 26/03/1991 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Thần kinh           | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 694 | 7    | 02210728 | BÙI THỊ THANH        | Nữ        | 25/10/1991 | TP Hải Phòng     | Thần kinh           | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 695 | 9    | 02210541 | NGUYỄN VĂN TÙNG      | Nam       | 20/05/1992 | Tỉnh Thái Bình   | Thần kinh           | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 696 | 1    | 02210019 | NGUYỄN QUANG HUY     | Nam       | 10/11/1991 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Truyền nhiễm        | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 697 | 2    | 02210004 | ĐỖ TIẾN LẬP          | Nam       | 05/02/1990 | Tỉnh Lai Châu    | Truyền nhiễm        | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 698 | 3    | 02210735 | TRẦN THỊ THANH TÂM   | Nữ        | 15/10/1994 | Tỉnh Nghệ An     | Truyền nhiễm        | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 699 | 1    | 04211556 | NGUYỄN ĐỨC ANH       | Nam       | 30/04/1991 | Hà Nội           | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 700 | 1    | 02210138 | HỒ DUY TUẤN ANH      | Nam       | 17/10/1993 | Tỉnh Nghệ An     | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 701 | 2    | 02210504 | LÊ BÁ TUẤN ANH       | Nam       | 27/07/1994 | Tỉnh Thanh Hóa   | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 702 | 3    | 02210114 | VI TUẤN ANH          | Nam       | 17/11/1988 | Tỉnh Nghệ An     | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 703 | 4    | 02210878 | LÊ THÀNH CHUNG       | Nam       | 23/09/1991 | TP Hà Nội        | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 704 | 5    | 02210623 | PHẠM XUÂN CƯỜNG      | Nam       | 18/09/1994 | Tỉnh Hải Dương   | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 705 | 6    | 02210249 | NGUYỄN TIẾN ĐỒNG     | Nam       | 02/12/1989 | TP Hà Nội        | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 706 | 7    | 02210671 | ĐÀO HỮU DŨNG         | Nam       | 10/06/1992 | Tỉnh Thanh Hóa   | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 707 | 9    | 02210779 | NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG   | Nam       | 20/08/1991 | TP Hà Nội        | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 708 | 10   | 02210879 | HOÀNG THU HẰNG       | Nữ        | 27/03/1987 | Tỉnh Hòa Bình    | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 709 | 11   | 02210734 | ĐỖ THỊ HẰNG          | Nữ        | 01/04/1988 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 710 | 12   | 02210762 | NGUYỄN THỊ HẠNH      | Nữ        | 18/10/1993 | Tỉnh Nam Định    | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi | Môn CS    | Môn CN     | Môn NN    |
|-----|------|----------|----------------------|-----------|------------|------------------|---------------------|-----------|------------|-----------|
| 711 | 13   | 02210409 | NGUYỄN THỊ THANH HOA | Nữ        | 10/12/1989 | TP Hà Nội        | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 712 | 14   | 02210005 | NGUYỄN MINH HOÀNG    | Nam       | 04/11/1993 | TP Hà Nội        | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 713 | 15   | 02210373 | VŨ HUY HOÀNG         | Nam       | 03/06/1991 | Tỉnh Nam Định    | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 714 | 17   | 02210788 | NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG   | Nữ        | 28/04/1985 | TP Hà Nội        | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 715 | 16   | 02210616 | ĐINH THỊ LAN HƯƠNG   | Nữ        | 04/07/1993 | Tỉnh Bắc Giang   | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 716 | 18   | 02210719 | NGUYỄN ĐỨC KHẢI      | Nam       | 30/09/1991 | Tỉnh Bắc Ninh    | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 717 | 19   | 02210810 | THIỆU TẮT KHÁNH      | Nam       | 14/04/1994 | Tỉnh Thanh Hóa   | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 718 | 20   | 02210412 | PHẠM TÙNG LÂM        | Nam       | 02/08/1992 | Tỉnh Thái Bình   | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 719 | 21   | 02210699 | LÊ TÚ LINH           | Nam       | 18/10/1991 | Tỉnh Thanh Hóa   | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 720 | 22   | 02210704 | NGUYỄN NHẬT LINH     | Nam       | 28/01/1992 | TP Hà Nội        | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 721 | 23   | 02210127 | VŨ THỊ MỸ LINH       | Nữ        | 10/09/1992 | Tỉnh Nghệ An     | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 722 | 24   | 02210356 | NGUYỄN THỊ LUYỀN     | Nữ        | 08/02/1988 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 723 | 25   | 02210564 | NGUYỄN THỊ MINH      | Nữ        | 29/11/1992 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 724 | 26   | 02210117 | NGUYỄN THỊ THÚY MỸ   | Nữ        | 19/12/1992 | Tỉnh Hưng Yên    | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 725 | 27   | 02210063 | ĐÀO ĐÌNH NAM         | Nam       | 22/11/1992 | Tỉnh Quảng Ninh  | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 726 | 28   | 02210657 | HỒ HOÀNG NAM         | Nam       | 12/03/1991 | Tỉnh Phú Thọ     | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 727 | 29   | 02210679 | LÊ THỊ NAM           | Nữ        | 20/05/1992 |                  | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 728 | 30   | 02210112 | NGUYỄN THỊ NGỌC      | Nữ        | 04/03/1993 | Tỉnh Quảng Nam   | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 729 | 31   | 02210760 | NGÔ MINH PHÚC        | Nam       | 18/09/1993 | Tỉnh Hà Tĩnh     | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 730 | 32   | 02210627 | PHẠM THANH PHƯƠNG    | Nữ        | 25/03/1991 | Tỉnh Tuyên Quang | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 731 | 33   | 02210531 | TÔ LAN PHƯƠNG        | Nữ        | 06/12/1992 | Tỉnh Lào Cai     | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 732 | 34   | 02210602 | NGUYỄN THỊ QUYỀN     | Nữ        | 21/10/1992 | Tỉnh Bắc Ninh    | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 733 | 35   | 02210088 | MAI THỊ HỒNG QUỲNH   | Nữ        | 03/11/1991 | Tỉnh Thanh Hóa   | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 734 | 36   | 02210520 | DƯƠNG THỊ THẨM       | Nữ        | 20/10/1989 | Tỉnh Nghệ An     | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 735 | 37   | 02210090 | HÀ DIỆU THÚY         | Nữ        | 12/11/1992 | Tỉnh Phú Thọ     | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 736 | 38   | 02210171 | NGUYỄN VIỆT TIẾN     | Nam       | 08/01/1989 | Tỉnh Bắc Ninh    | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 737 | 39   | 02210912 | HOÀNG NGỌC TÙNG      | Nam       | 17/09/1991 | TP Hà Nội        | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Miễn thi  |
| 738 | 40   | 02210714 | NGUYỄN THỊ VÂN       | Nữ        | 23/11/1988 | TP Hà Nội        | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 739 | 41   | 02210115 | THÁI THANH XUÂN      | Nữ        | 25/12/1993 | Tỉnh Điện Biên   | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 740 | 42   | 02210404 | TRẦN XUÂN YÊN        | Nam       | 03/03/1992 | Tỉnh Hà Tĩnh     | Ung thư             | Giải phẫu | Ngoại khoa | Tiếng Anh |
| 741 | 1    | 02210079 | ĐỖ PHƯƠNG ANH        | Nữ        | 26/06/1991 | Tỉnh Thái Bình   | Vi sinh y học       | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 742 | 2    | 02210206 | VŨ THUY DƯƠNG        | Nữ        | 15/01/1996 | TP Hải Phòng     | Vi sinh y học       | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi  |
| 743 | 3    | 02210200 | PHẠM THỊ HẠNH        | Nữ        | 04/01/1994 | Tỉnh Thái Bình   | Vi sinh y học       | Sinh lý   | Nội khoa   | Tiếng Anh |
| 744 | 4    | 02210811 | ĐINH THỊ THANH       | Nữ        | 08/09/1990 | TP Hà Nội        | Vi sinh y học       | Sinh lý   | Nội khoa   | Miễn thi  |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh       | Chuyên ngành dự thi | Môn CS  | Môn CN      | Môn NN      |
|-----|------|----------|-----------------------|-----------|------------|----------------|---------------------|---------|-------------|-------------|
| 745 | 1    | 02210454 | BÙI HƯƠNG GIANG       | Nữ        | 21/05/1991 | Tỉnh Thái Bình | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Trung |
| 746 | 2    | 02210565 | NGUYỄN XUÂN HẢI       | Nam       | 05/12/1991 | TP Hà Nội      | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh   |
| 747 | 3    | 02210492 | DƯƠNG THỊ HẰNG        | Nữ        | 24/01/1992 | Tỉnh Hải Dương | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh   |
| 748 | 4    | 02210764 | LÊ THỊ THU HẰNG       | Nữ        | 18/08/1992 | Tỉnh Thanh Hóa | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh   |
| 749 | 5    | 02210736 | NGUYỄN THỊ THANH HẰNG | Nữ        | 23/04/1990 | TP Hà Nội      | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Miễn thi    |
| 750 | 6    | 02210426 | PHẠM HỒNG HẠNH        | Nữ        | 04/11/1993 | Tỉnh Thái Bình | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Miễn thi    |
| 751 | 7    | 02210086 | HÀ THỊ NHẬT LINH      | Nữ        | 15/11/1995 | Tỉnh Sơn La    | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Miễn thi    |
| 752 | 8    | 02210348 | ĐẶNG THÀNH LONG       | Nam       | 16/11/1987 | TP Hà Nội      | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh   |
| 753 | 9    | 02210375 | PHẠM NGỌC YẾN MI      | Nữ        | 03/11/1993 | Tỉnh Thái Bình | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh   |
| 754 | 10   | 02210518 | NGUYỄN VĂN NAM        | Nam       | 28/05/1987 | Tỉnh Bắc Ninh  | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Miễn thi    |
| 755 | 11   | 02210148 | NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG | Nữ        | 30/06/1992 | TP Hà Nội      | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Miễn thi    |
| 756 | 12   | 02210202 | NGUYỄN THỊ PHƯỢNG     | Nữ        | 10/07/1987 | Tỉnh Vĩnh Phúc | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh   |
| 757 | 13   | 02210512 | TRẦN THỊ THÚY QUỲNH   | Nữ        | 03/09/1991 | Tỉnh Nghệ An   | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh   |
| 758 | 14   | 02210711 | ĐỖ THÀNH TÂM          | Nam       | 26/03/1993 | TP Hà Nội      | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh   |
| 759 | 15   | 02210621 | ĐINH TRỌNG THÁI       | Nam       | 20/07/1994 | Tỉnh Nghệ An   | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Miễn thi    |
| 760 | 16   | 02210547 | PHẠM TIẾN THÀNH       | Nam       | 22/11/1993 | TP Hà Nội      | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Trung |
| 761 | 17   | 02210188 | TRẦN THỊ THẢO         | Nữ        | 28/03/1995 | TP Hải Phòng   | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Trung |
| 762 | 18   | 02210165 | NGUYỄN HOÀI THU       | Nữ        | 26/09/1988 | TP Hà Nội      | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Anh   |
| 763 | 19   | 02210381 | VŨ VĂN TIẾN           | Nam       | 22/01/1994 | Tỉnh Vĩnh Phúc | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Miễn thi    |
| 764 | 20   | 02210847 | NGÔ TRÍ TUỆ           | Nam       | 08/08/1990 | Tỉnh Bắc Ninh  | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Tiếng Trung |
| 765 | 21   | 02210402 | LỖ THỊ BẢO YÊN        | Nữ        | 06/07/1993 | Tỉnh Vĩnh Phúc | Y học cổ truyền     | Sinh lý | Đề TH       | Miễn thi    |
| 766 | 1    | 02210457 | PHẠM THỊ BẢO AN       | Nữ        | 20/08/1992 | Tỉnh Hà Tĩnh   | Y học dự phòng      | SKMT    | Dịch tễ học | Tiếng Anh   |
| 767 | 2    | 02210618 | ĐINH HÀ QUỲNH ANH     | Nữ        | 25/04/1996 | Tỉnh Ninh Bình | Y học dự phòng      | SKMT    | Dịch tễ học | Miễn thi    |
| 768 | 4    | 02210225 | ĐẶNG THỊ CHINH        | Nữ        | 01/04/1996 | Tỉnh Bắc Ninh  | Y học dự phòng      | SKMT    | Dịch tễ học | Tiếng Anh   |
| 769 | 3    | 02210534 | ĐOÀN HẢI ANH          | Nam       | 26/01/1993 | Tỉnh Hải Dương | Y học dự phòng      | SKMT    | Dịch tễ học | Tiếng Anh   |
| 770 | 5    | 02210411 | KHÔNG VĂN CƯỜNG       | Nam       | 07/01/1992 | Tỉnh Vĩnh Phúc | Y học dự phòng      | SKMT    | Dịch tễ học | Miễn thi    |
| 771 | 6    | 02210668 | NGUYỄN NHƯ ĐẠI        | Nam       | 11/12/1993 | TP Hải Phòng   | Y học dự phòng      | SKMT    | Dịch tễ học | Tiếng Anh   |
| 772 | 7    | 02210208 | BÙI QUANG ĐẠT         | Nam       | 08/01/1993 | Tỉnh Yên Bái   | Y học dự phòng      | SKMT    | Dịch tễ học | Tiếng Anh   |
| 773 | 8    | 02210056 | NGUYỄN TIẾN DŨNG      | Nam       | 05/02/1995 | TP Hà Nội      | Y học dự phòng      | SKMT    | Dịch tễ học | Tiếng Anh   |
| 774 | 9    | 02210853 | TRẦN THỊ GIANG        | Nữ        | 02/01/1990 | Tỉnh Hải Dương | Y học dự phòng      | SKMT    | Dịch tễ học | Tiếng Anh   |
| 775 | 10   | 02210072 | HỒ THỊ HÀ             | Nữ        | 16/02/1989 | Tỉnh Nghệ An   | Y học dự phòng      | SKMT    | Dịch tễ học | Tiếng Anh   |
| 776 | 11   | 02210030 | HOÀNG THỊ HÀ          | Nữ        | 26/10/1990 | TP Hà Nội      | Y học dự phòng      | SKMT    | Dịch tễ học | Tiếng Anh   |
| 777 | 12   | 02210010 | MAI THỊ HẰNG          | Nữ        | 16/10/1990 | Tỉnh Thanh Hóa | Y học dự phòng      | SKMT    | Dịch tễ học | Tiếng Anh   |
| 778 | 13   | 02210189 | PHẠM THỊ THANH HẰNG   | Nữ        | 01/06/1991 | Tỉnh Bình Định | Y học dự phòng      | SKMT    | Dịch tễ học | Tiếng Anh   |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi | Môn CS | Môn CN      | Môn NN    |
|-----|------|----------|----------------------|-----------|------------|------------------|---------------------|--------|-------------|-----------|
| 779 | 14   | 02210867 | NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH | Nữ        | 22/02/1996 | Tỉnh Nghệ An     | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 780 | 15   | 02210820 | NGUYỄN THU HIỀN      | Nữ        | 01/09/1996 | Tỉnh Nam Định    | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 781 | 17   | 02210666 | ĐÀO THỊ THANH HOA    | Nữ        | 26/11/1991 | Tỉnh Nghệ An     | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 782 | 18   | 02210899 | HOÀNG GIA HÒA        | Nam       | 04/04/1990 | TP Hải Phòng     | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 783 | 19   | 02210297 | CAO THỊ HỒNG         | Nữ        | 11/03/1990 | Tỉnh Thanh Hóa   | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 784 | 20   | 02210137 | NGUYỄN HOÀNG HỒNG    | Nữ        | 22/06/1990 | Tỉnh Thái Bình   | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 785 | 21   | 02210904 | NGUYỄN THỊ HỒNG      | Nữ        | 01/06/1993 | Tỉnh Thanh Hóa   | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 786 | 23   | 02210729 | MAI THỊ HUỆ          | Nữ        | 20/10/1988 | Tỉnh Thanh Hóa   | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 787 | 24   | 02210480 | TRẦN THỊ MINH HUỆ    | Nữ        | 18/12/1990 | TP Hà Nội        | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 788 | 25   | 02210916 | NGUYỄN THỊ KIM HUỆ   | Nữ        | 06/09/1993 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 789 | 26   | 02210920 | NGUYỄN VĂN HÙNG      | Nam       | 22/01/1989 | Tỉnh Quảng Ninh  | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Miễn thi  |
| 790 | 27   | 02210017 | LỘC TÙNG HƯƠNG       | Nữ        | 29/07/1989 | Tỉnh Lạng Sơn    | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 791 | 28   | 02210559 | NGUYỄN THỊ HUYỀN     | Nữ        | 01/02/1987 | Tỉnh Hải Dương   | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 792 | 29   | 02210852 | NGUYỄN THỊ LAN       | Nữ        | 13/06/1994 | Tỉnh Hải Dương   | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 793 | 30   | 02210522 | NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN | Nữ        | 16/12/1988 | Tỉnh Bắc Giang   | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 794 | 32   | 02210222 | DƯƠNG THỊ KIM NGÂN   | Nữ        | 03/04/1994 | Tỉnh Thái Nguyên | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 795 | 33   | 02210389 | VŨ THỊ HỒNG NGOAN    | Nữ        | 22/06/1991 | Tỉnh Hải Dương   | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Miễn thi  |
| 796 | 34   | 02210799 | NGUYỄN THỊ MINH NGỌC | Nữ        | 22/06/1995 | Tỉnh Quảng Bình  | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 797 | 14   | 02210345 | LÊ QUANG NHẬT        | Nam       | 13/03/1992 | Tỉnh Khánh Hòa   | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 798 | 35   | 02210924 | NGÔ ĐĂNG NGỰ         | Nam       | 27/06/1982 | TP Hà Nội        | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 799 | 36   | 02210292 | TRẦN THỊ NHUNG       | Nữ        | 23/07/1994 | Tỉnh Bắc Ninh    | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Miễn thi  |
| 800 | 37   | 02210219 | LÊ THỊ KIM OANH      | Nữ        | 10/08/1996 | Tỉnh Nam Định    | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 801 | 38   | 02210272 | TRẦN KIỀU OANH       | Nữ        | 15/10/1992 | Tỉnh Nghệ An     | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 802 | 39   | 02210226 | NGUYỄN ĐÌNH PHƯỚC    | Nam       | 02/04/1993 | Tỉnh Hải Dương   | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 803 | 40   | 02210205 | PHẠM THỊ LỆ QUYÊN    | Nữ        | 03/11/1994 | Tỉnh Quảng Bình  | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 804 | 41   | 02210209 | NGUYỄN THU QUỲNH     | Nữ        | 05/11/1995 | TP Hà Nội        | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Miễn thi  |
| 805 | 42   | 02210539 | NGUYỄN THỊ SON       | Nữ        | 30/07/1990 | Tỉnh Nam Định    | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Miễn thi  |
| 806 | 43   | 02210748 | NGUYỄN THỊ PHÚC TÂM  | Nữ        | 28/03/1981 | TP Hải Phòng     | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Miễn thi  |
| 807 | 44   | 02210888 | MAI NGỌC THANH       | Nam       | 14/09/1990 | TP Hải Phòng     | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 808 | 45   | 02210796 | TRƯƠNG HOÀNG TÂN THỌ | Nam       | 30/05/1992 | Tỉnh Quảng Bình  | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 809 | 46   | 02210926 | HỒNG QUANG THỐNG     | Nam       | 02/01/1991 | Tỉnh Hải Dương   | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 810 | 48   | 02210661 | ĐỖ THỊ THU           | Nữ        | 14/05/1994 | TP Hà Nội        | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 811 | 49   | 02210416 | NGUYỄN THỊ THÚY      | Nữ        | 13/08/1993 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 812 | 50   | 02210472 | PHẠM THU THÚY        | Nữ        | 30/09/1983 | Tỉnh Hà Nam      | Y học dự phòng      | SKMT   | Dịch tễ học | Tiếng Anh |



| STT | TTCN | Mã HS    | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi Sinh         | Chuyên ngành dự thi  | Môn CS    | Môn CN      | Môn NN    |
|-----|------|----------|----------------------|-----------|------------|------------------|----------------------|-----------|-------------|-----------|
| 813 | 51   | 02210161 | TRẦN THANH THÚY      | Nữ        | 10/08/1992 | Tỉnh Bình Định   | Y học dự phòng       | SKMT      | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 814 | 52   | 02210676 | ĐỖ THỊ THANH THỦY    | Nữ        | 14/06/1992 | Tỉnh Ninh Bình   | Y học dự phòng       | SKMT      | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 815 | 53   | 02210673 | LÂM THỊ HUYỀN TRANG  | Nữ        | 16/03/1988 | Tỉnh Nam Định    | Y học dự phòng       | SKMT      | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 816 | 54   | 02210338 | VŨ THỊ LINH TRANG    | Nữ        | 31/08/1991 | Tỉnh Hòa Bình    | Y học dự phòng       | SKMT      | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 817 | 55   | 02210523 | PHẠM QUANG TRUNG     | Nam       | 09/04/1989 | Tỉnh Hà Tĩnh     | Y học dự phòng       | SKMT      | Dịch tễ học | Tiếng Anh |
| 818 | 56   | 02210745 | NGUYỄN THỊ HÀ VÂN    | Nữ        | 24/03/1996 | Tỉnh Quảng Nam   | Y học dự phòng       | SKMT      | Dịch tễ học | Miễn thi  |
| 819 | 1    | 02210470 | BUI VĂN ĐỨC          | Nam       | 21/01/1993 | Tỉnh Thái Bình   | Y học hạt nhân       | Sinh lý   | Nội khoa    | Miễn thi  |
| 820 | 3    | 02210216 | NGUYỄN THỊ MAI LINH  | Nữ        | 21/03/1994 | Tỉnh Nghệ An     | Y học hạt nhân       | Sinh lý   | Nội khoa    | Miễn thi  |
| 821 | 4    | 02210528 | NGUYỄN VĂN THẮNG     | Nam       | 17/08/1993 | Tỉnh Bắc Ninh    | Y học hạt nhân       | Sinh lý   | Nội khoa    | Miễn thi  |
| 822 | 1    | 02210354 | PHAN NHẬT LĨNH       | Nam       | 21/04/1983 | Tỉnh Đồng Nai    | Y pháp               | Giải phẫu | Ngoại khoa  | Tiếng Anh |
| 823 | 1    | 02210320 | NGUYỄN HƯƠNG GIANG   | Nữ        | 09/04/1994 | Tỉnh Thái Nguyên | Y sinh học di truyền | Sinh lý   | Nội khoa    | Tiếng Anh |
| 824 | 2    | 02210141 | NGUYỄN THỊ THUỶ LINH | Nữ        | 20/12/1994 | Tỉnh Thanh Hóa   | Y sinh học di truyền | Sinh lý   | Nội khoa    | Tiếng Anh |
| 825 | 3    | 02210913 | NGUYỄN PHƯƠNG MAI    | Nam       | 11/09/1996 | TP Hà Nội        | Y sinh học di truyền | Sinh lý   | Nội khoa    | Miễn thi  |
| 826 | 4    | 02210707 | ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO | Nữ        | 28/07/1990 | Tỉnh Hà Giang    | Y sinh học di truyền | Sinh lý   | Nội khoa    | Tiếng Anh |
| 827 | 5    | 02210080 | NGUYỄN LỆ THUỶ       | Nữ        | 10/06/1989 | Tỉnh Nam Định    | Y sinh học di truyền | Sinh lý   | Nội khoa    | Tiếng Anh |
| 828 | 6    | 02210323 | ĐÀO THỊ TRANG        | Nữ        | 13/03/1990 | TP Hà Nội        | Y sinh học di truyền | Sinh lý   | Nội khoa    | Miễn thi  |
| 829 | 7    | 02210285 | HỒ THỊ HUYỀN TRANG   | Nữ        | 19/06/1990 | Tỉnh Nghệ An     | Y sinh học di truyền | Sinh lý   | Nội khoa    | Tiếng Anh |
| 830 | 1    | 02210630 | NGUYỄN THỊ LAN ANH   | Nữ        | 13/10/1991 | Tỉnh Hưng Yên    | Y tế công cộng       | KHMT      | TCYT        | Tiếng Anh |
| 831 | 2    | 02210444 | NGUYỄN THIÊN THU ANH | Nữ        | 26/11/1988 | Tỉnh Quảng Ninh  | Y tế công cộng       | KHMT      | TCYT        | Tiếng Anh |
| 832 | 3    | 02210419 | PHẠM VĂN ANH         | Nữ        | 23/02/1997 | TP Hà Nội        | Y tế công cộng       | KHMT      | TCYT        | Tiếng Anh |
| 833 | 6    | 02210277 | NÔNG BÍCH HIỆP       | Nữ        | 06/05/1998 | Tỉnh Lạng Sơn    | Y tế công cộng       | KHMT      | TCYT        | Tiếng Anh |
| 834 | 7    | 02210931 | LÊ TRẦN HOÀNG        | Nam       | 03/06/1997 | Tỉnh Thái Bình   | Y tế công cộng       | KHMT      | TCYT        | Miễn thi  |
| 835 | 8    | 02210880 | LÊ THỊ LÂM           | Nữ        | 07/01/1988 | Tỉnh Bắc Ninh    | Y tế công cộng       | KHMT      | TCYT        | Tiếng Anh |
| 836 | 9    | 02210915 | LÊ THỊ KHÁNH LÂM     | Nữ        | 08/09/1996 | Tỉnh Vĩnh Phúc   | Y tế công cộng       | KHMT      | TCYT        | Tiếng Anh |
| 837 | 10   | 02210664 | ĐÀO VĂN THÊM         | Nam       | 05/08/1988 | Tỉnh Hưng Yên    | Y tế công cộng       | KHMT      | TCYT        | Tiếng Anh |
| 838 | 11   | 02210526 | LÊ ĐỨC TRUNG         | Nam       | 09/02/1994 | TP Hà Nội        | Y tế công cộng       | KHMT      | TCYT        | Tiếng Anh |

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG

